

Số: 383 / CBTT - MĐCB

Cao Bằng, ngày 27 tháng 10 năm 2021

V/v: Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Mã chứng khoán: CBS

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Đoàn Kết, Thị trấn Tà Lùng - huyện Quảng Hòa - tỉnh Cao Bằng

Điện thoại liên hệ: 0206 3 824121 Số Fax: 0206 3 824113

E-mail: caobangsugar@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nông Văn Thuyết

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng

Điện thoại di động: 0914523666

Loại thông tin công bố: 24h yêu cầu Bất thường Định kỳ

II. Nội dung thông tin công bố:

Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng, họp vào ngày 26/10/2021.

1. Biên bản số 380/2021/BB-ĐHĐCĐTN ngày 26/10/2021.

2. Nghị quyết số 381/2021/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 26/10/2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/10/2021 tại đường dẫn <http://www.miaduongcaobang.vn>

Chúng tôi cam kết, thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận :

- Như kính gửi;
- Đăng website;
- Lưu Vt.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nông Văn Thuyết

BIÊN BẢN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Hôm nay, vào hồi 8h 30 phút ngày 26 tháng 10 năm 2021. Tại trụ sở Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng, địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng đã được tổ chức theo hình thức trực tuyến.

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
- Địa chỉ trụ sở chính : Tổ dân phố Đoàn Kết, Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
- Điện thoại : 0206 3 824121 - Email: caobangsugar@gmail.com
- Mã chứng khoán : CBS
- Giấy ĐKKD số : 4800104012 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 14/03/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/04/2021.

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Hội đồng quản trị (HĐQT) : 5/5 thành viên HĐQT dự họp, bao gồm:

- Ông Nông Văn Thuyết Chủ tịch HĐQT
- Ông Ma Trung Lập Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc
- Ông Nông Văn Lạc Thành viên HĐQT
- Bà Mã Thị Quyết Thành viên HĐQT

* Đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội, gồm:

- | | | |
|-----------------------|------------------------|--------------|
| - Ông Nông Văn Thuyết | Chủ tịch HĐQT | Chủ tọa đoàn |
| - Ông Ma Trung Lập | Phó chủ tịch HĐQT/ TGD | Thành viên |
| - Bà Hoàng Thị Quyết | Trưởng Ban kiểm soát | Thành viên |

* Ban thư ký Đại hội, gồm:

- | | | |
|----------------------|-----------------------|-------------------|
| - Bà Hoàng Thị Hạnh | Nhân viên Phòng TCHC | Trưởng ban thư ký |
| - Ông Nông Văn Trình | Phó Phòng nguyên liệu | Thành viên |

* Ban kiểm phiếu biểu quyết, gồm:

- | | | |
|---------------------|-----------------------------|-----------------------|
| - Ông Luân Thế Hiển | Nhân viên Phòng nguyên liệu | Trưởng ban kiểm phiếu |
| - Bà Đàm Thị Huyền | Nhân viên Phòng TCKT | Thành viên |

6. Ông Luân Thế Hiển - Đại diện Ban kiểm phiếu hướng dẫn Đại hội biểu quyết theo phương thức bỏ phiếu trực tuyến và công bố Biên bản kiểm tra kết quả biểu quyết như sau:

- Số lượng cổ đông tham dự và ủy quyền là 47 cổ đông, đại diện cho 2.480.135 cổ phần, chiếm 70,3001% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu phát ra 47 đại diện cho 2.480.135 cổ phần, chiếm 100% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.

* **Kết quả kiểm phiếu cho từng nội dung như sau:**

- Tổng số phiếu phát ra 47, đại diện cho 2.480.135 cổ phần, chiếm 100% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.
- Tổng số phiếu thu về 47, đại diện cho 2.480.135 cổ phần, chiếm 100% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.
- Tổng số phiếu không thu về 0, đại diện cho 0 cổ phần, chiếm 0 % tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.

* **Kết quả bỏ phiếu:**

- **Nhân sự Đoàn chủ tọa:**

1. Tổng số phiếu hợp lệ	47	đại diện 2.480.135 cp , chiếm 100% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu tán thành	46	đại diện 2.478.575 cp ,chiếm 99,9371% số CP có

		quyền biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành	0	đại diện 0 cp ,chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến	1	đại diện 1.560 cp ,chiếm 0,0629% số CP có quyền biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ	0	đại diện 0 cpchiếm 0 % số CP có quyền biểu quyết

- Nhân sự Ban thư ký, Ban kiểm phiếu:

1. Tổng số phiếu hợp lệ	47	đại diện 2.480.135 cp , chiếm 100% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu tán thành	46	đại diện 2.478.575 cp ,chiếm 99,9371% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành	0	đại diện 0 cp ,chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến	1	đại diện 1.560 cp ,chiếm 0,0629% số CP có quyền biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ	0	đại diện 0 cpchiếm 0 % số CP có quyền biểu quyết

- Quy chế làm việc của Đại hội:

1. Tổng số phiếu hợp lệ	47	đại diện 2.480.135 cp , chiếm 100% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu tán thành	46	đại diện 2.478.575 cp ,chiếm 99,9371% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành	0	đại diện 0 cp ,chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến	1	đại diện 1.560 cp ,chiếm 0,0629% số CP có quyền biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ	0	đại diện 0 cpchiếm 0 % số CP có quyền biểu quyết

- Chương trình làm việc của Đại hội:

1. Tổng số phiếu hợp lệ	47	đại diện 2.480.135 cp , chiếm 100% số CP có quyền
-------------------------	----	---

		biểu quyết
+ Số phiếu tán thành	46	đại diện 2.478.575 cp ,chiếm 99,9371% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành	0	đại diện 0 cp ,chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến	1	đại diện 1.560 cp ,chiếm 0,0629% số CP có quyền biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ	0	đại diện 0 cp chiếm 0 % số CP có quyền biểu quyết

Kết quả bỏ phiếu biểu quyết các nội dung đạt 99,9371% tính trên số CP có quyền biểu quyết.

PHẦN II

TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

I. Ông Nông Văn Thuyết - Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT Công ty Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT niên vụ 2020-2021 và Phương hướng nhiệm vụ niên vụ 2021-2022.

(Thông tin chi tiết được đăng tải trong mục Tài liệu ĐHĐCĐTN năm 2021 trên Website của Công ty).

II. Ông Ma Trung Lập - Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc, thay mặt Ban Tổng giám đốc Công ty Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2020-2021 và Mục tiêu kế hoạch niên độ tài chính 2021-2022.

(Thông tin chi tiết được đăng tải trong mục Tài liệu ĐHĐCĐTN năm 2021 trên Website của Công ty).

III. Bà Hoàng Thị Quyết - Trưởng Ban kiểm soát, thay mặt ban kiểm soát Công ty Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát niên độ tài chính 2020-2021 và Phương hướng hoạt động của Ban kiểm toán niên độ tài chính 2021-2022.

(Thông tin chi tiết được đăng tải trong mục Tài liệu ĐHĐCĐTN năm 2021 trên Website của Công ty).

IV. Bà Mã Thị Quyết - Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng, thay mặt HĐQT thông qua Báo cáo tài chính niên độ tài chính 2020-2021 đã được kiểm toán với số liệu như sau tóm tắt:

* Kết quả sản xuất kinh doanh năm tài chính 2020-2021:

- Tổng thu (gồm: Doanh thu thuần, doanh thu tài chính, thu nhập khác)	: 256.724.242.095	đồng
- Tổng chi phí (gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN, chi phí khác).	: 199.760.869.183	đồng
- Lợi nhuận trước thuế TNDN	: 56.963.372.912	đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	: 56.452.990.327	đồng
- Lãi cơ bản / cổ phiếu	: 16.002	đồng

* Tài sản, nguồn vốn (Bảng cân đối kế toán) năm tài chính 2020-2021:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 30/06/2020
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	166.765.000.484	127.832.600.468
A- Tài sản ngắn hạn	106.747.086.394	60.084.644.862
B - Tài sản dài hạn	60.017.914.090	67.747.955.606
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	166.765.000.484	127.832.600.468
C- Nợ phải trả	48.556.123.167	66.076.713.478
D- Vốn chủ sở hữu	118.208.877.317	61.755.886.990

V. Bà Mã Thị Quyết - Thành viên HĐQT, thay mặt HĐQT đọc nội dung các tờ trình, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua, gồm:

1. Tờ trình thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát niên độ tài chính 2020-2021; Kế hoạch hoạt động trong niên độ tài chính 2021-2022.

2. Tờ trình thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động SXKD niên độ tài chính 2020-2021 và Kế hoạch SXKD niên độ tài chính 2021-2022.

S T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện NĐTC 2020-2021	Kế hoạch NĐTC 2021-2022
1	Sản lượng mía ép	Tấn	139.294	134.648
2	Sản lượng đường nhập kho	Tấn	16.950	14.961
3	Sản lượng mật rỉ tiêu thụ	Tấn	4.715	5.610
4	Sản lượng phân hữu cơ tiêu thụ	Tấn	6.375	3.366
5	Tổng doanh thu sản phẩm chính	Tr.đồng	243.753	217.757
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đồng	56.963	26.683

7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	56.453	21.346
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%/VĐL	10	20

3. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính niên độ tài chính 2020-2021 đã được kiểm toán.

4. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận niên độ tài chính 2020-2021; Kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ tài chính 2021-2022.

4.1. Phương án phân phối lợi nhuận niên độ tài chính 2020-2021:

* Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm TC 2020-2021	:	56.452.990.327	đồng
- Bù đắp lỗ lũy kế các năm trước	:	40.512.670.776	đồng
- Phân phối lợi nhuận	:	15.940.319.551	đồng
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (= 4%/LNPP)	:	637.612.782	đồng
+ Trích quỹ phát triển VNL mía (= 2,5%/LNPP)	:	398.507.988	đồng
+ Trích quỹ thưởng BDH quản lý công ty(= 1,5%/LNPP):	:	239.104.793	đồng
+ Lợi nhuận dùng để chia cổ tức	:	14.665.093.988	đồng

* Chia cổ tức niên độ tài chính 2020-2021:

- Lợi nhuận chia cổ tức	:	14.724.632.951	đồng
+ Lợi nhuận chưa chia cổ tức năm trước chuyển sang	:	59.538.963	đồng
+ Lợi nhuận dùng để chia cổ tức của năm TC 2020-2021	:	14.665.093.988	đồng
- Chia cổ tức bằng tiền mặt (= 10%/VĐL)	:	3.527.925.000	đồng
- Lợi nhuận chưa chia cổ tức chuyển sang năm sau	:	11.196.707.951	đồng

4.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm tài chính 2021-2022:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm TC 2021-2022	:	21.346.900.000	đồng
- Phân phối lợi nhuận	:	21.346.900.000	đồng
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (= 8%/LNPP)	:	1.707.752.000	đồng
+ Trích quỹ phát triển VNL mía (= 3%/LNPP)	:	640.407.000	đồng
+ Trích quỹ thưởng BDH quản lý công ty(= 1,5%/LNPP):	:	320.203.500	đồng
+ Lợi nhuận dùng để chia cổ tức	:	18.678.537.500	đồng

5. Tờ trình thông qua thù lao của HĐQT, BKS niên độ tài chính 2020-2021 và Kế hoạch thù lao 2021-2022, cụ thể:

5.1. Quyết toán chi phí thù lao cho thành viên HĐQT, BKS trong năm tài chính 2020-2021 (từ tháng 7/2020 đến hết tháng 6/2021) với số tiền là: 1.011.566.000^{đồng}. (Số tiền bằng chữ: Một tỷ không trăm mười một triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí tiền lương theo chức danh quản lý: 788.510.000 đồng.
- Phụ cấp thành viên HĐQT, BKS : 223.056.000 đồng

5.2. Kế hoạch chi trả thù lao, chi phí hoạt động cho HĐQT, BKS trong năm tài chính 2021-2022 (từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2022):

- Tiền lương, tiền thưởng cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS có kiêm nhiệm chức danh quản lý công ty, Ban tổng giám đốc Công ty được chi trả theo Quy chế chi trả tiền lương, tiền thưởng vụ ép 2021 - 2022 của Công ty.
- Tiền phụ cấp cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS được chi trả theo hệ số như sau:

+ Đối với thành viên HĐQT:

Chủ tịch HĐQT hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 9,5/ tháng.

Phó chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,35/ tháng.

Thường trực HĐQT hệ số phụ cấp là 1,25/ tháng.

Thành viên khác HĐQT hệ số phụ cấp là 1,15/ người/ tháng.

+ Đối với thành viên BKS:

Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số là 6,5/ tháng.

Thành viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6/ người/ tháng.

Mức tiền lương tối thiểu làm căn cứ tính phụ cấp: Theo mức tiền lương tối thiểu Công ty áp dụng để tính lương cho vụ ép 2021 - 2022.

- Các chi phí khác cho hoạt động của HĐQT và BKS khi thực hiện chức năng nhiệm vụ được chi trả theo thực tế.

- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty, xây dựng và ban hành Quy chế trả thưởng cho các thành viên ban điều hành quản lý đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

6. Tờ trình thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính Niên độ tài chính 2021-2022 (từ ngày 01/07/2021 đến hết ngày 30/06/2022).

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty, lựa chọn Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết được công bố hàng năm. Đồng thời phải đảm bảo có đủ uy tín, năng lực, kinh nghiệm đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

PHẦN III THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

Ông Nông Văn Thuyết - Chủ tịch HĐQT, thay mặt Đoàn chủ tịch Đại hội điều hành chương trình thảo luận.

I. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội

1. Cổ đông Phan Thị Lê, tên đăng nhập: CBS0121.000263:

Số DKNSH là gì?

Trả lời: Số DKNSH là số đăng ký người sở hữu.

2. Cổ đông Đinh Bé Đính, tên đăng nhập: CBS0121.000306:

Tại sao mục tiêu doanh thu và lợi nhuận thấp hơn kết quả của niên vụ 2020 - 2021?

Trả lời: Năm vừa rồi chữ đường cao, yếu tố vĩ mô thuận lợi.

Năm nay, khả năng chữ đường khả năng không được cao như vậy; về yếu tố vĩ mô, Thái Lan có khiếu nại hoặc có thay đổi chính sách, Bộ Công thương giảm thuế thì giá đường sẽ giảm.

Theo luật Lao động, chia sẻ lợi nhuận, tăng giá mía, giá vốn hàng bán tăng; nâng lương cho người lao động. Do đó doanh thu và lợi nhuận sẽ giảm xuống.

3. Cổ đông Đinh Bé Đính, tên đăng nhập: CBS0121.000306:

Bán cổ phần sau ngày 28/9/2021 có còn được chia cổ tức hay không? Thời gian chia cổ tức là khi nào?

Trả lời: Chỉ được tham gia dự họp chứ không được chia cổ tức;

Thời gian chia cổ tức trước ngày 15/11/2021 (Trước khi vào vụ ép)

PHẦN IV KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG TRÌNH ĐẠI HỘI

Ông Luân Thế Hiển thay mặt Ban kiểm phiếu tiến hành tổng hợp kết quả biểu quyết trên hệ thống trực tuyến và báo cáo trước Đại hội kết quả như sau:

Số lượng Cổ đông tham gia và ủy quyền là 49 cổ đông, đại diện cho 2.498.127 cổ phần, chiếm 70.8101% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Kết quả kiểm phiếu cho từng nội dung như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết phát ra: 49 phiếu, đại diện cho 2.498.127 cổ phần, chiếm 100% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết thu về: 45 phiếu, đại diện cho 2.470.394 cổ phần, chiếm 98,8898% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết không thu về: 4 phiếu, đại diện cho 27.733 cổ phần, chiếm 1,1102% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.

Tỷ lệ biểu quyết các nội dung trình Đại hội như sau:

1. Tờ trình thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát niên độ tài chính 2020-2021; Kế hoạch hoạt động trong niên độ tài chính 2021-2022:

a- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị niên độ tài chính 2020-2021; Phương hướng hoạt động trong niên độ tài chính 2021-2022:

1. Tổng số phiếu hợp lệ	45	đại diện 2.470.394 cp, chiếm 98,8898% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu tán thành	43	đại diện 2.457.427 cp, chiếm 98,3708% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến	2	đại diện 12.967 cp, chiếm 0,5191% số CP có quyền biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết

b- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát niên độ tài chính 2020-2021; Kế hoạch hoạt động trong niên độ tài chính 2021-2022:

1. Tổng số phiếu hợp lệ	45	đại diện 2.470.394 cp, chiếm 98,8898% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu tán thành	43	đại diện 2.457.427 cp, chiếm 98,3708% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến	2	đại diện 12.967 cp, chiếm 0,5191% số CP có quyền biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết

2. Tờ trình thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động SXKD niên độ tài chính 2020-2021 và Kế hoạch SXKD niên độ tài chính 2021-2022:

1. Tổng số phiếu hợp lệ	45	đại diện 2.470.394 cp, chiếm 98,8898% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu tán thành	43	đại diện 2.457.427 cp, chiếm 98,3708% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến	2	đại diện 12.967 cp, chiếm 0,5191% số CP có quyền biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết

3. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính niên độ tài chính 2020-2021 đã được kiểm toán:

1. Tổng số phiếu hợp lệ	45	đại diện 2.470.394 cp, chiếm 98,8898% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu tán thành	43	đại diện 2.457.427 cp, chiếm 98,3708% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến	2	đại diện 12.967 cp, chiếm 0,5191% số CP có quyền biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết

4. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận niên độ tài chính 2020-2021; Kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ tài chính 2021-2022:

1. Tổng số phiếu hợp lệ	45	đại diện 2.470.394 cp, chiếm 98,8898% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu tán thành	41	đại diện 2.445.903 cp, chiếm 97,9095% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến	4	đại diện 24.491 cp, chiếm 0,9804% số CP có quyền biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết

5. Tờ trình thông qua thù lao của HĐQT, BKS niên độ tài chính 2020-2021 và Kế hoạch thù lao 2021-2022:

1. Tổng số phiếu hợp lệ	45	đại diện 2.470.394 cp, chiếm 98,8898% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu tán thành	43	đại diện 2.457.427 cp, chiếm 98,3708% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến	2	đại diện 12.967 cp, chiếm 0,5191% số CP có quyền biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết

6. Tờ trình thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính Niên độ tài chính 2021-2022 (từ ngày 01/07/2021 đến hết ngày 30/06/2022):

1. Tổng số phiếu hợp lệ	45	đại diện 2.470.394 cp, chiếm 98,8898% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu tán thành	43	đại diện 2.457.427 cp, chiếm 98,3708% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến	2	đại diện 12.967 cp, chiếm 0,5191% số CP có quyền biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết

Tỷ lệ biểu quyết các nội dung trình đại hội đạt 98.3049 % trên số CP có quyền biểu quyết. Đối chiếu quy định tại mục 4 điều 24 Điều lệ hoạt động của Công ty, các nội dung trên được Đại hội nhất trí thông qua.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ủy quyền, giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

PHẦN V THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Bà Hoàng Thị Hạnh thay mặt Ban thư ký thông qua Dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng.

2. Ông Luân Thế Hiển thay mặt Ban kiểm phiếu tiến hành tổng hợp kết quả biểu quyết trên hệ thống trực tuyến và báo cáo trước Đại hội kết quả biểu quyết thông qua nội dung bản Dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: 50 đại diện cho 2.500.087 cổ phần, chiếm 100% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu thu về: 43 đại diện cho 2.283.919 cổ phần, chiếm 91,3536% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không thu về: 7 đại diện cho 216.168 cổ phần, chiếm 8,6464% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.

Kết quả kiểm phiếu cho từng nội dung như sau:

* Biên bản họp ĐHĐCĐTN năm 2021.

1. Tổng số phiếu hợp lệ	43	đại diện 2.283.919 cp, chiếm 91.3536 % số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu tán thành	41	đại diện 2.270.952 cp, chiếm 90,8349 % số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến	2	đại diện 12.967 cp, chiếm 0,5187% số CP có quyền biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết

* Nghị quyết ĐHĐCĐTN năm 2021.

1. Tổng số phiếu hợp lệ	43	đại diện 2.283.919 cp, chiếm 91.3536 % số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu tán thành	41	đại diện 2.270.952 cp, chiếm 90,8349 % số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không tán thành	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết
+ Số phiếu không có ý kiến	2	đại diện 12.967 cp, chiếm 0,5187% số CP có quyền biểu quyết
2. Tổng số phiếu không hợp lệ	0	đại diện 0 cp, chiếm 0% số CP có quyền biểu quyết

3. Ông Nông Văn Thuyết - Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa cuộc họp đọc diễn văn bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng theo hình thức họp trực tuyến, được kết thúc vào hồi 12 giờ 30 phút ngày 26 tháng 10 năm 2021./.

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Trưởng ban



Hoàng Thị Hạnh

Thành viên



Nông Văn Trình

TM. ĐOÀN CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Chủ tọa đoàn



Nông Văn Thuyết

Nơi nhận:

- UBCKNN ;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT, BTGD, BKS (th. hiện);
- Website;
- Lưu VT.

Số: 381/2021/NQ-ĐHĐCĐTN

Cao Bằng, ngày 26 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 26/10/2021 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng;

Sau thời gian làm việc khẩn trương với tinh thần trách nhiệm, thẳng thắn và hiệu quả. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng đã thống nhất:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm tài chính 2020-2021; Phương hướng hoạt động trong năm tài chính 2021-2022.
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm tài chính 2020-2021; Kế hoạch hoạt động trong năm tài chính 2021-2022.
3. Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm tài chính 2020-2021; Mục tiêu, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính 2021-2022.
4. Báo cáo tài chính năm tài chính 2020-2021 đã được kiểm toán.

* Kết quả sản xuất kinh doanh năm tài chính 2020-2021:

- Tổng thu (gồm: Doanh thu thuần, doanh thu tài chính, thu nhập khác)	: 256.724.242.095	đồng
- Tổng chi phí (gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN, chi phí khác).	: 199.760.869.183	đồng
- Lợi nhuận trước thuế TNDN	: 56.963.372.912	đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	: 56.452.990.327	đồng
- Lãi cơ bản / cổ phiếu	: 16.002	đồng

* Tài sản, nguồn vốn (Bảng cân đối kế toán) năm tài chính 2020 - 2021:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 30/06/2020
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	166.765.000.484	127.832.600.468
A- Tài sản ngắn hạn	106.747.086.394	60.084.644.862
B - Tài sản dài hạn	60.017.914.090	67.747.955.606
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	166.765.000.484	127.832.600.468
C- Nợ phải trả	48.556.123.167	66.076.713.478
D- Vốn chủ sở hữu	118.208.877.317	61.755.886.990

5. Phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2020-2021.

* Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm TC 2020-2021	:	56.452.990.327	đồng
- Bù đắp lỗ lũy kế các năm trước	:	40.512.670.776	đồng
- Phân phối lợi nhuận	:	15.940.319.551	đồng
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (= 4%/LNPP)	:	637.612.782	đồng
+ Trích quỹ phát triển VNL mía (= 2,5%/LNPP)	:	398.507.988	đồng
+ Trích quỹ thưởng BDH quản lý công ty(= 1,5%/LNPP)	:	239.104.793	đồng
+ Lợi nhuận dùng để chia cổ tức	:	14.665.093.988	đồng



* Chia cổ tức niên độ tài chính 2020-2021:

- Lợi nhuận chia cổ tức	:	14.724.632.951	đồng
+ Lợi nhuận chưa chia cổ tức năm trước chuyển sang	:	59.538.963	đồng
+ Lợi nhuận để chia cổ tức của năm TC 2020-2021	:	14.665.093.988	đồng
- Chia cổ tức bằng tiền mặt (= 10%/VĐL)	:	3.527.925.000	đồng
- Lợi nhuận chưa chia cổ tức chuyển sang năm sau	:	11.196.707.951	đồng

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty xem xét quyết định thời điểm và thủ tục chia cổ tức bằng tiền mặt theo đúng quy định.

6. Quyết toán chi phí thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm tài chính 2020-2021; Kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm tài chính 2021-2022.

6.1. Quyết toán chi phí thủ lao cho thành viên HĐQT, BKS trong năm tài chính 2020-2021 (từ tháng 7/2020 đến hết tháng 6/2021) với số tiền là: 1.011.566.000^{đồng}. (Số tiền bằng chữ: Một tỷ không trăm mười một triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí tiền lương theo chức danh quản lý: 788.510.000 đồng.
- Phụ cấp thành viên HĐQT, BKS : 223.056.000 đồng

6.2. Kế hoạch chi trả thù lao, chi phí hoạt động cho HĐQT, BKS trong năm tài chính 2021-2022 (từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2022):

- Tiền lương, tiền thưởng cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS có kiêm nhiệm chức danh quản lý công ty, Ban tổng giám đốc Công ty được chi trả theo Quy chế chi trả tiền lương, tiền thưởng vụ ép 2021 - 2022 của Công ty.
- Tiền phụ cấp cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS được chi trả theo hệ số như sau:

+ Đối với thành viên HĐQT:

Chủ tịch HĐQT hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 9,5/ tháng.

Phó chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,35/ tháng.

Thường trực HĐQT hệ số phụ cấp là 1,25/ tháng.

Thành viên khác HĐQT hệ số phụ cấp là 1,15/ người/ tháng.

+ Đối với thành viên BKS:

Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số là 6,5/ tháng.

Thành viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6/ người/ tháng.

Mức tiền lương tối thiểu làm căn cứ tính phụ cấp: Theo mức tiền lương tối thiểu Công ty áp dụng để tính lương cho vụ ép 2021 - 2022.

- Các chi phí khác cho hoạt động của HĐQT và BKS khi thực hiện chức năng nhiệm vụ được chi trả theo thực tế.

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty, xây dựng và ban hành Quy chế trả thưởng cho các thành viên ban điều hành quản lý đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

7. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2021-2022 (từ tháng 07/2021 đến hết tháng 06/2022):

1. Sản lượng mía ép	:	134.648	Tấn
2. Sản lượng đường SX hoàn thành nhập kho	:	14.961	Tấn
3. Sản lượng mật rỉ tiêu thụ	:	5.610	Tấn
4. Sản lượng phân hữu cơ tiêu thụ	:	3.366	Tấn
5. Tổng doanh thu sản phẩm chính	:	217.757	Triệu đồng

6. Lợi nhuận trước từ hoạt động SXKD	:	26.683	Triệu đồng
7. Lợi nhuận sau thuế TNDN	:	21.346	Triệu đồng
8. Tỷ lệ chia cổ tức	:	20	%/VĐL

8. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm tài chính 2021-2022 (từ tháng 07/2021 đến hết tháng 06/2022):

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm TC 2021-2022	:	21.346.900.000	đồng
- Phân phối lợi nhuận	:	21.346.900.000	đồng
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (= 8%/LNPP)	:	1.707.752.000	đồng
+ Trích quỹ phát triển VNL mía (= 3%/LNPP)	:	640.407.000	đồng
+ Trích quỹ thưởng BĐH quản lý công ty (= 1,5%/LNPP):	:	320.203.500	đồng
+ Lợi nhuận dùng để chia cổ tức	:	18.678.537.500	đồng

9. Kế hoạch lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2021-2022 (từ ngày 01/07/2021 đến hết ngày 30/06/2022).

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty quyết định việc lựa chọn Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết được công bố hàng năm. Đồng thời phải đảm bảo có đủ uy tín, năng lực, kinh nghiệm đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng ủy quyền, giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị công ty chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua với tỷ lệ tán thành 90,8349% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc điều hành Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 26/10/2021./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT, BTGD, BKS (th. hiện);
- Website CBS;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nông Văn Thuyết



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng - Huyện Quảng Hoà - Tỉnh Cao Bằng

Điện thoại: 0206.3824121 - Fax: 0206.3824113

Mã số thuế: 4800104012

ISO 9001: 2015

Số: 343 /BC-HĐQT

Quảng Hoà, ngày 05 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NIÊN VỤ 2020-2021

VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NIÊN VỤ 2021-2022

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NIÊN VỤ 2020 - 2021

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Đại hội đồng cổ đông đã bầu ra HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 là 05 người. Trong kỳ họp thứ nhất của HĐQT trị ngày .. tháng 11 năm 2020 HĐQT đã bầu ông Nông Văn Lạc giữ chức chủ Tịch HĐQT ban hành theo Nghị quyết số/NQ-HĐQT.

Do tình hình sức khỏe nên ông Nông Văn Lạc đã từ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT chỉ tham gia HĐQT với tư cách Thành viên HĐQT từ ngày 01/04/2021

Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất bầu ông Nông Văn Thuyết giữ chức Chủ tịch HĐQT từ 01/04/2021

Niên vụ 2020-2021 hoạt động của HĐQT với đầy đủ 05 thành viên tiến hành nhiều cuộc họp ban hành nhiều chủ trương với tính đồng thuận nhất trí cao đem đến hiệu quả rõ rệt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

I. Tình hình chung:

- **Trên thế giới:** Niên vụ 2020-2021 thị trường đường thế giới có nhiều yếu tố tác động dẫn đến giá đường thế giới tăng đột biến.

Thứ nhất: Hiện tượng biến đổi khí hậu (sương giá và hạn hán) ở nam bán cầu làm ảnh hưởng lớn đến sản lượng mía ở Brazil và Australia đặc biệt là ở Brazil đất nước có sản lượng đường hằng năm chiếm 40% sản lượng đường toàn cầu.

Thứ hai: Do sự bùng phát của dịch bệnh Covid 19 làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất tại Ấn độ và do sự thiếu hụt Container trong logistics làm ảnh hưởng lớn đến quá trình lưu thông hàng hóa nói chung và mặt hàng đường nói riêng

- **Tại Việt Nam:** Tình hình giá đường cũng được cải thiện từ sau khi thủ tướng chính phủ có chỉ thị 28/CT-TTg ngày 14/7/2020 về việc Triển khai các giải pháp phát triển ngành

mía đường Việt Nam trong tình hình mới, các bộ ngành hữu quan đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho ngành mía đường trong nước. Đặc biệt là Quyết định số 2466/QĐ-BCT, ngày 21/9/2020 của bộ Công thương về Điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ vương quốc Thái Lan và sau đó 5 tháng bộ này đã ban hành quyết định số 477/QĐ-BCT, ngày 9/02/2021 về việc Áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp tạm thời đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ vương quốc Thái Lan với mức.

Ngoài ra do tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh ở khu vực Đông Nam Á nên chính phủ các nước siết chặt kiểm soát biên giới cũng làm hạn chế tối đa lượng đường nhập lậu.

Mặc dù thị trường đường có được cải thiện trên thế giới và trong nước trong năm qua, tuy nhiên do dịch bệnh bùng phát chính phủ các nước ban hành lệnh phong tỏa, giãn cách xã hội nên nhu cầu đường và chất tạo ngọt giảm xuống, tiêu thụ chậm.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1. Về vùng nguyên liệu

- Trong bối cảnh sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhiều năm liền, giá mía giảm theo giá đường, vùng nguyên liệu của Công ty đã bị thu hẹp, nhiều diện tích đất nông dân đã chuyển đổi cây trồng, sản lượng mía theo đó cũng giảm qua các năm:

TT	Nội dung	Vụ 18/19	Vụ 19/20	Vụ 20/21
1	Diện tích mía (ha)	3.018,12	2.710,17	2.047,48
2	Sản lượng mía (tấn)	193.108	144.352	138.937
3	Năng suất (tấn/ha)	64	53	67,86

- Diện tích giảm 24,45% so với vụ 19/20 và giảm 32% so vụ 18/19.

- Sản lượng giảm 3,75% so vụ 19/20 và giảm 28% so vụ 18/19

Tuy vậy HĐQT đã kịp thời ban hành các chính sách nhằm ổn định và phát triển vùng nguyên liệu mía. Tập trung phát triển vùng nguyên liệu trọng điểm, trú trọng đến nâng cao năng suất, chất lượng và thời gian lưu gốc. Ban hành chính sách chênh lệch giá mua để nhân nhanh các bộ giống mía mới QD42; KK3; BM423.

Về giá thu mua mía: Sau khi vào vụ ép nhận thấy giá đường trong nước được cải thiện, Công ty đã điều chỉnh tăng giá mía 02 lần với tổng giá tăng là 70.000đ/tấn. Giá mua mía bình quân cả vụ tại nhà máy : 923 đồng/kg, tại ruộng là: 867 đồng/kg. Tiền mía được thanh toán kịp thời, chính xác.

2. Về sản xuất chế biến.

2.1. Đối công tác đầu tư dây chuyền:

a/ Các hạng mục đầu tư thay mới thiết bị dây chuyền.

TT	Hạng mục Thiết bị	Đơn vị	Thành tiền
1	Đầu tư hệ thống băng truyền kho thành phẩm	Tr.đ	228.4
2	Đầu tư thay mới lô máy xé I	Tr.đ	832.8
3	Hệ thống thiết bị quan trắc nước thải tự động	Tr.đ	572.8
4	Máy in phun Sop 690 (in ngày tháng sản xuất)	Tr.đ	98.8
5	Thiết bị đóng túi đường tự động	Tr.đ	181.0
6	Thay mới cân đóng bao		168.0
7	Máy Phô tô	Tr.đ	60.9
	Cộng		2.142

b/ Đầu tư Xây dựng cơ bản.

TT	Hạng mục	Đơn vị	Thành tiền
	Lắp mới mái che thùng mật ri	Tr.đ	56.0
	Cộng	Tr.đ	56.0

c/ Đầu tư phương tiện vận tải:

- Mua mới xe Everrest 7 chỗ 1.215 triệu

Tổng vốn đầu tư thực hiện đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị trong năm là 3.413 triệu đồng, sử dụng từ nguồn vốn tự có (chưa bao gồm các vật tư thay thế cho SC-BD sau vụ ép).

2.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội năm 2020:

Sản phẩm đường kính trắng đạt tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam TCVN 7968: 2008; Sản phẩm đường kính Vàng đạt tiêu chuẩn cơ sở.

Chỉ tiêu (1)	ĐVT (2)	Nghị quyết (3)	TH vụ 20-21 (4)	% (4:3)
1. Sản lượng mía ép	Tấn	120.000	139.294	114
2. Tổng sản lượng đường kính	Tấn	12.973	16.950,4	131
<i>Trong đó: Đường Trắng</i>	Tấn	6.350	5.605,65	88

<i>Đường Vàng</i>	Tấn	6.623	11.344,75	171
3. Sản lượng mật rỉ nhập kho	Tấn	4.800	5.439	113
4. Sản lượng phân hữu cơ (bùn, tro)	Tấn	3.000	6.375	212,5
5. Tổng doanh thu tiêu thụ sản phẩm	Tr. đồng	163.270	243.753	
6. Lợi nhuận từ SXKD (trước thuế)	Tr. đồng	1.931	56.963	2950
7. Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	1.931	56.452	2923
8. Tỷ lệ chia Cổ tức / vốn điều lệ	%		10	

3. Về các mặt công tác khác

3.1. Về quản lý lao động

Công ty luôn quan tâm tuyển dụng, đào tạo, đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, khuyến khích sự phấn đấu, đóng góp của người lao động vào mục đích phát triển của Công ty. Chất lượng đội ngũ cán bộ CNV lao động ngày càng được nâng cao, thông qua việc đánh giá năng lực hàng năm, rà soát lại đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị, quy hoạch, đào tạo cán bộ phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty.

3.2. Quản lý chất lượng:

Hiện nay đang áp dụng thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015, trong hoạt động sản xuất kinh doanh luôn giám sát và quả chế các chỉ tiêu đề ra; các quy trình làm việc được bổ sung có Hiệu quả, chất lượng công việc được nâng lên.

3.3. Về quản lý môi trường

Công tác xử lý nước thải, rác thải công nghiệp, kho chứa hóa chất... bảo vệ môi trường được HĐQT đặc biệt quan tâm tiếp tục được đầu tư hoàn thiện, đảm bảo toàn bộ nước sau khi phục vụ công tác sản xuất chế biến đường đều được xử lý theo đúng quy định trước khi xả ra môi trường. Các chất thải có yếu tố độc hại nguy hiểm đều được tiêu huỷ đúng theo quy định của cơ quan chức năng.

3.4. Về công tác xã hội

Công ty luôn tham gia đóng góp đầy đủ các quỹ : an ninh quốc phòng, Quỹ nông dân, khuyến học, ủng hộ các địa phương khi gặp thiên tai...

3.5. Lựa chọn công ty kiểm toán

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc để kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2020- 2021.

4. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm qua HĐQT đã thực hiện họp định kỳ và đột xuất để giải quyết, xử lý công việc được kịp thời. Tại các kỳ họp HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của kỳ trước, xác định nhiệm vụ, đưa ra các chủ trương, giải pháp thực hiện nhiệm vụ của kỳ sau, nội dung cụ thể của các kỳ họp trong năm như sau:

4.1 Kỳ họp ngày ngày 18/9/2020 (Nghị quyết số 271/NQ-HĐQT):

- Chốt danh sách cổ đông tham dự; thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020

4.2. Kỳ họp ngày 9/11/2020 (ban hành Nghị quyết số 337/NQ-HĐQT)

- Phê chuẩn chức danh chủ tịch HĐQT đối với ông Nông Văn Lạc và chức danh Phó chủ tịch HĐQT đối với ông Ma Trung Lập.

4.3. Kỳ họp ngày 31/12/2020 (ban hành Nghị quyết số: 427/NQ-HĐQT):

- Điều chỉnh tăng 50đ/kg đối với các loại mía nguyên liệu (áp dụng từ 0h00, ngày 02 tháng 01 năm 2021)

- Mua 200 tấn mía Hạ Lang làm mía giống với giá 1.100đ/kg, xuất bán cho người trồng 600đ/kg. Cung ứng mía giống Quế đường 42 cho người trồng không thu tiền.

- Thống nhất sản lượng bán trong vụ sản xuất từ 6.000 tấn đến 6.500 tấn, bao gồm cả đường trắng và đường vàng.

- Chi tiền thưởng tết dương lịch mức 200.000đ/người cho tất cả người lao động tham gia vụ sản xuất 2020-2021

4.4. Kỳ họp ngày 21/01/2021 (ban hành Nghị quyết số: 27/NQ-HĐQT):

- Điều chỉnh giá bán đường 13.500đ/kg

- Điều chỉnh tăng giá mía lần 2 lên thêm 20đ/kg.

- Mua oto con 7 chỗ hãng Ford Everest.

4.5 Kỳ họp ngày 19/02/2021 (ban hành Nghị quyết số: 58/NQ-HĐQT)

- Thanh lý xe Camry với giá 400 triệu

- Thống nhất số lượng bán thêm trong vụ sx là 2.000 tấn.

4.6. Kỳ họp ngày 25/3/2021 (ban hành Nghị quyết số 108/NQ-HĐQT)

- Bãi nhiệm chủ tịch HĐQT đối với ông Nông Văn Lạc.

- Bầu lại chủ tịch HĐQT đối với ông Nông Văn Thuyết.

4.7 Kỳ họp ngày 26/3/2021 (ban hành Nghị quyết số: 110/NQ-HĐQT)

- Ban hành mức chi hỗ trợ lao động ngoài vụ ép không bố trí được việc làm

- Chủ trương bổ sung, điều chỉnh hệ số thang bảng lương

4.8. Kỳ họp ngày 13/4/2021 (ban hành Nghị quyết số 136/NQ-HĐQT):

- Thông qua quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;

- Kế hoạch tiêu thụ 2.000 tấn đường đến ngày 30/6/2021;

- Chủ trương tổ chức thi nâng bậc.

4.9. Kỳ họp ngày 27/4/2021 (ban hành Nghị quyết số:149/NQ/HĐQT)

- Lấy ý kiến bằng văn bản để bù đắp lỗ lũy kế.

4.10. Kỳ họp 11/5/2021 (ban hành Nghị quyết số: 172/NQ-HĐQT)

- Thông qua mức bù đắp lỗ lũy kế để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản dùng từ hai nguồn là Thặng dư vốn cổ phần 3.943 triệu và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu 9.986 triệu đồng.

4.11. Kỳ họp ngày 7/6/2021 (ban hành Nghị quyết số: 197/NQH-HĐQT)

- Phê duyệt dự toán công trình cải tạo sửa đường vào trụ sở Công ty.

4.12. Kỳ họp ngày 17/6/2021 (Ban hành Nghị quyết số: 216/NQ-HĐQT)

- Chấp thuận thông qua kết quả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về phương án bù lỗ lũy kế từ nguồn quỹ Thặng dư vốn cổ phần và quỹ khác thuộc vốn chủ sở.

4. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT.

Trong năm 2020-2021, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, để thường xuyên đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty. Ban hành 12 Nghị quyết nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, đưa ra các giải pháp chỉ đạo hợp lý nhằm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ và mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đề ra.

Trong quá trình hoạt động HĐQT đã phối hợp tốt với Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, tổ chức Đảng, tổ chức đoàn thể, để thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành các hoạt động của Công ty; thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Chỉ đạo, giám sát đầu tư Xây dựng vùng nguyên liệu mía ổn định, trú trọng phát triển vùng nguyên liệu trọng điểm. Tăng năng suất, tăng thời gian lưu gốc. đảm bảo sản lượng mía nguyên liệu cung cấp đủ cho nhà máy hoạt động theo công suất.

Chú trọng công tác sửa chữa bảo dưỡng sau vụ sản xuất để nâng cao hiệu suất dây chuyền, nâng cao thu hồi, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản xuất. cải thiện Điều kiện làm việc cho người lao động, tạo sự gắn bó của CBCNV lao động với Công ty. Các hoạt động của Công ty đã đi vào nề nếp có hiệu quả và đóng góp ngân sách Nhà nước.

Hoạt động kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm thực hiện tốt, duy trì và trú trọng các khách hàng truyền thống, tìm kiếm khách hàng và vùng thị trường mới phù hợp đặc điểm sản phẩm.

5. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban điều hành:

- HĐQT đã ban hành quy chế hoạt động, phân công phân nhiệm cho từng thành viên trong công tác giám sát Ban điều hành và các lĩnh vực hoạt động của Công ty để đảm bảo việc triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết HĐQT; thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của TGD, Ban TGD.

- Niên độ 2020-2021 TGD, Ban TGD đã quán triệt và triển khai có hiệu quả Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các khuyến cáo của BKS, hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ.

6. Những hạn chế tồn tại và nguyên nhân:

*** Tồn tại:**

- Vùng nguyên liệu bị thu hẹp, sản lượng giảm. Tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa trong khâu trồng, chăm sóc mía còn thấp. Việc tìm kiếm và áp dụng các bộ giống mới vào diện rộng còn chậm nên năng suất chưa được như kỳ vọng.

- Hiệu suất thu hồi sản xuất có cao hơn năm trước nhưng một số chỉ tiêu tồn thất còn cao so kế hoạch.

- Về kinh doanh tiêu thụ sản phẩm: giá thị trường được cao hơn năm trước nhưng giá bán bình quân đạt thấp hơn mặt bằng chung cả nước.

*** Nguyên nhân:**

- Do giá đường giảm sâu từ vụ 2 vụ trước kéo theo giá mía thấp, không hấp dẫn được người trồng mía, nông dân đã chuyển một phần diện tích sang trồng cây khác hoặc ít trú trọng chăm sóc mía.

- Điều kiện kinh tế địa phương khó khăn, đất trồng manh mún, trồng hộ cá thể nên việc đầu tư và cơ giới hóa còn nhiều hạn chế. cán bộ nguyên liệu còn hạn chế về trình độ tuyên truyền, một số chưa sát sao.

- Do dây chuyền sản xuất đầu tư chưa đồng bộ, một số công đoạn sản xuất có công suất thiết bị thấp hơn công suất chung dây chuyền như nấu đường, làm sạch cộng thêm trình độ, kỹ năng của công nhân ở một số cương vị chưa cao.

- Do chất lượng sản phẩm chưa so kịp các nhà máy khác, điều kiện về vận chuyển xa nên chi phí vận chuyển cao hơn tạo nên sự chênh lệch giá bán so với mặt bằng chung.

Phần thứ hai

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NIÊN VỤ 2021-2022.

A. Nhận định tình hình chung.

Trên thế giới theo dự báo tổ chức ISO ngành mía đường trong năm 2022 vẫn duy trì tình trạng cung thiếu hụt so với cầu do sự giảm sản lượng ở Brazil; Australia và ở Thái Lan, ngoài ra có yếu tố tăng giá của dầu thô một số quốc gia sẽ chuyển nguồn nguyên liệu mía sang sản xuất Ethanol, lượng thiếu hụt dự báo là 2,7 triệu tấn, có tổ một số tổ chức khác dự báo thiếu 4,6 triệu tấn.

Trong nước theo báo cáo Hiệp Hội mía đường khoảng thiếu hụt cung so với cầu càng cao hơn khi sản lượng sản xuất trong vụ vừa qua chỉ đạt gần 700 nghìn tấn, còn nhu cầu tiêu thụ cả nước năm 2022 sẽ đạt khoảng 2,2 triệu tấn đường các loại. Dự báo vụ 2021-2022

sản lượng có tăng nhưng cung không đáng kể do sự giảm sâu sản lượng mía từ những vụ trước, mặc dù giá mía đã được điều chỉnh tăng theo giá đường, tuy nhiên vùng nguyên liệu sẽ không thể hồi phục ngay trong vụ tới. Ngoài ra Quyết định số 1578/QĐ-BCT, ngày 15/6/2021 của bộ Công thương có hiệu lực 5 năm sẽ ngăn chặn đường nhập khẩu từ Thái Lan được trợ giá, trợ cấp vào làm chủ thị trường trong nước như những năm trước. Do đó nhận định giá cả thị trường trong năm 2022 vẫn còn dư địa tăng. Tuy nhiên cũng tồn tại những yếu tố rủi ro đặc biệt là đại dịch Covid-19 sẽ làm giảm lượng tiêu thụ của thị trường.

B. Mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh niên vụ 2021 – 2022.

Theo số liệu từ vùng nguyên liệu và kết quả thực hiện kế hoạch vụ 2020-2021 HĐQT xây dựng mục tiêu sản xuất kinh doanh cho niên vụ 2021-2022, trình đại hội đồng cổ đông xem xét như sau:

1. Diện tích mía nguyên liệu vụ đông xuân 2021-2022 đạt: 2.500 ha trở lên

Trong đó diện tích trồng mới: ≥ 1.100 ha

2. Năng suất bình quân : ≥ 64 tấn/ ha

3. Sản lượng mía ép vụ 2021-2022 : ≥ 134.648 tấn

4. Tỷ lệ mía/ đường : dưới 9,0 mía/đường

5. Hiệu suất tổng thu hồi $\geq 84,5$ %

6. Công suất chế biến thực tế bình quân: 1.600 tấn mía/ngày .

7. Sản lượng đường nhập kho: $\geq 14.960,8$ tấn

8. Sản lượng đường tiêu thụ: ≥ 15.150 tấn

9. Sản lượng Mật rỉ tiêu thụ: ≥ 5.610 tấn

10. Sản lượng phân hữu cơ tiêu thụ: ≥ 3366 tấn

11. Tổng doanh thu đạt: ≥ 217.757 triệu đồng

12. Lợi nhuận trước thuế: ≥ 26.683 triệu đồng

13. Nộp ngân sách Nhà nước: 8,5 tỷ

14. Cổ tức 20 %/ năm

C. Một số giải pháp thực hiện trong niên vụ 2021-2022

1. Về tổ chức quản trị

1.1. Thực hiện quản trị theo quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế Ban TGD

1.2. Tiếp tục xem xét bộ máy, tinh giảm lao động nhưng hoạt động có hiệu quả.

1.3. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung hoàn thiện bộ tiêu chuẩn các chức danh, cương vị gắn với tiêu chuẩn cấp bậc, tiền lương.

1.4. Mở lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lao động trẻ đã ký hợp đồng dài hạn

- 1.5. Hoàn thiện Quy chế Quản lý lao động và quy chế tiền lương, tiền thưởng.
- 1.6. Hàng năm thực hiện đánh giá năng lực công tác và lấy phiếu tín nhiệm của cán bộ quản lý, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động công khai minh bạch.
- 1.7. Sửa đổi Bổ sung có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015.
- 1.8. Tổ chức thu gom và tiêu thụ bã bùn, tro lò cho vùng nguyên liệu mía.

2. Về xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu mía:

- 2.1. Tập trung đầu tư vào vùng nguyên liệu trọng điểm; Nhân nhanh các bộ giống mía mới, ban hành chính sách khuyến khích chăm sóc mía gốc.
- 2.2. Rà soát diện tích quy hoạch vùng nguyên liệu mía cho nhà máy, đánh giá khả năng cung cấp nguyên liệu, tiếp tục xây dựng chính sách đầu tư hỗ trợ cho nông dân theo hướng khuyến khích tăng năng suất, chất lượng mía; Đảm bảo xây dựng được vùng nguyên liệu mía phát triển ổn định bền vững.
- 2.3. Tổ chức tốt công tác đôn chặt vận chuyển, đảm bảo mía chặt xong được chuyển ngay về chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất.

3. Về Đầu tư thiết bị dây chuyền chế Chế biến:

Tiếp tục thực hiện đầu tư để nâng cao hiệu suất tổng thu hồi, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, tận thu phế phẩm để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Lựa chọn tỷ lệ sản xuất từng loại sản phẩm đường Trắng, đường phù hợp. để tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu suất tổng thu hồi và chất lượng sản phẩm.

Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường

5. Về Tiêu Thụ sản phẩm.

Xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm hợp lý, tạo lập kênh phân phối ổn định thông qua ký kết Hợp đồng với các khách hàng truyền thống. Mở rộng đối tác, tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sang Trung Quốc khi cơ chế cửa khẩu cho phép. Tăng cường thị phần bán lẻ tại thị trường các tỉnh lân cận.

6. Về tiêu thụ sản phẩm sau đường:

Xây dựng chính sách tiêu thụ sản phẩm linh hoạt, phù hợp từng thời kỳ.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông;
- Lưu: HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nông Văn Thuyết



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
BAN KIỂM SOÁT

Số 34/BC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Hòa, ngày 05 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĐTC 2020- 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP mía đường Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên niên độ 2020-2021 của Công ty CP mía đường Cao Bằng ngày 30/10/2020;

Ban kiểm soát báo cáo trước ĐHCĐ, về công tác hoạt động niên độ 2020-2021 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát niên độ tài chính 2021-2022 như sau :

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (BKS)

1. Cơ cấu thành phần Ban Kiểm soát

- 1 - Bà Hoàng Thị Quyết – Trưởng ban
- 2 - Ông Đinh Bế Đình – Thành viên
- 3 - Ông Trương Minh Đức – Thành viên

2. Tình hình hoạt động và các cuộc họp của Ban Kiểm soát

2.1. Trong thời gian từ sau ĐHCĐ thường niên năm 2020 đến nay, công tác kiểm soát, giám sát của Ban Kiểm soát tập trung vào các nội dung sau:

- Tổng kết hoạt động kiểm soát, giám sát NĐTC 2019-2020; thông qua báo cáo trình ĐHCĐ; thông qua kế hoạch hoạt động NĐTC 2020-2021 của Ban Kiểm soát.
- Giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty; giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ và các Nghị quyết của HĐQT Công ty.
- Ban Kiểm soát/thành viên BKS đã tham dự và tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ trong các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp giao ban của công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của Nhà nước, quy định nội bộ của Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp, của người lao động và của cổ đông Công ty, giám sát việc triển khai các giải pháp ứng phó với dịch bệnh covid 19.

- Kiểm tra tính tuân thủ, tin cậy, tính hệ thống và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty; kiểm tra việc triển khai thực hiện khuyến cáo, kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, kiểm toán

- Thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD

- Thẩm định, kiểm tra báo cáo tài chính niên độ 2020-2021 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành.

2.2. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

- Trong thời gian từ sau ĐHCĐ thường niên năm 2020 đến nay, Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin giữa các thành viên để triển khai thực hiện các nội dung công việc theo chức trách nhiệm vụ và thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

- Các cuộc họp của BKS

- Lần 1: Kiểm điểm công tác kiểm soát NĐTC 2019-2020 và kế hoạch hoạt động niên độ 2020-2021

- Lần 2 : Đánh giá công tác quý I NĐTC 2020-2021 và kế hoạch hoạt động quý II niên độ 2020-2021

- Lần 3 : Đánh giá công tác quý II NĐTC 2020-2021 và kế hoạch hoạt động quý III niên độ 2020-2021

- Lần 4 : Đánh giá công tác quý III NĐTC 2020-2021 và kế hoạch hoạt động quý IV niên độ 2020-2021

- Lần 5: Đánh giá công tác quý IV NĐTC 2020-2021 Thẩm định báo cáo tài chính NĐTC 2020-2021, thông qua báo cáo kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2020-2021

- Ban kiểm soát chưa phát hiện hiện tượng vi phạm Pháp luật và Điều lệ công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh.

3 - Thù lao BKS

- Trong quá trình hoạt động BKS được chi trả thù lao theo đúng quy định và nghị quyết của ĐHCĐ thường niên NĐTC 2020-2021.

+ Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 6,5/ tháng

+ Ủy viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6 /tháng/người

+ Mức tiền lương tối thiểu công ty áp dụng là 1.600.000 đồng

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TGD

1. Kết quả giám sát hoạt động HĐQT

- Trong NĐTC 2020-2021 HĐQT đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ trong công tác quản lý và điều hành công ty.

- HĐQT đã chỉ đạo Công ty triển khai thực hiện tốt các nội dung Nghị quyết số 326/NQ-MĐ ngày 30/10/2020 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD.

- HĐQT của công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, các cuộc họp đột xuất khi cần thiết để triển khai thống nhất định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT và Ban giám đốc Công ty đã tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành Công ty theo quy định Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Thực hiện nghĩa vụ với NSNN, BHXH theo quy định.

- BKS đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2. Kết quả giám sát công tác điều hành của BTGD và bộ phận quản lý công ty.

- Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý công ty đã tuân thủ đúng theo Qui định, Điều lệ của công ty, triển khai thực hiện các chủ trương, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, Nghị quyết Quyết định của HĐQT, tập trung điều hành sản xuất linh hoạt kịp thời, chủ động nguồn lực ứng phó với khó khăn của ngành mía đường. Trong quá trình thực hiện Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý công ty, thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, Quy chế công ty và định hướng của HĐQT, công bố thông tin đúng quy định.

- Kết quả đạt được trong NĐTC 2020-2021 như sau:

2.1 Về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ NĐTC 2020 – 2021

- NĐTC 2020-2021 các chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội ĐCĐ 2020 đều thực hiện vượt mức so với kế hoạch đề ra. Doanh thu thực hiện từ 01/7/2020 đến 30/6/2021 tăng so với kế hoạch do tình hình tiêu thụ đường thuận lợi hơn. Lợi nhuận hoàn thành vượt mức kế hoạch giao, nguyên nhân chủ yếu là do: sản lượng bán ra tăng, giá bán tăng, chi phí sản xuất và chi phí khác đều giảm.

- Kết quả cụ thể :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020-2021 Theo Nghị quyết	Thực hiện 2020-2021	Tỷ lệ % hoàn thành KH
1	Sản lượng mía	Tấn	124.867	141.580	113
	<i>Trong đó:</i> + Mía ép + Mía giống + Mía xuất đi TQ		120.000	139.294 2.287	116
2	Sản lượng đường	Tấn	12.973	16.950,4	130,6

3	Sản lượng mật ri nhập kho	Tấn	4.800	5.439	113
4	Sản lượng bã bùn	Tấn	3.000	6.375	212
5	Tổng doanh thu	Tr.đ	163.270	243.753	157
6	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	1.932	56.963	2.948
7	Tổng lợi nhuận sau thuế	Trđ	1.932	56.453	2.921

2.2 Về công tác đầu tư, XDCB, Sửa chữa bảo dưỡng

- Trong NĐTC 2020-2021 công ty đã đầu tư mua một số máy móc thiết bị với tổng số tiền đầu tư :3.413 triệu đồng cụ thể :

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (tr.Đồng)
A- Xây dựng cơ bản				
1	Lắp mới mái che thùng mật ri 1.200m ³			56.0
B- Máy móc thiết bị				
1	Hệ thống băng tải đường thành phẩm			228.4
2	Lô máy xé mía phi 980x1400			832.8
3	Cân đóng bao thành phẩm model KB02			168.0
4	Hệ thống thiết bị quan trắc nước thải CN tự động			572.8
5	Máy in phun Sop 690 (in ngày tháng sản xuất)			98.8
6	Thiết bị đóng đường túi tự động			181.0
C- Phương tiện vận tải				
1	Mua mới xe ô tô 7 chỗ hiệu Ford everrest 2.0L			1.215.0
D- Thiết bị dụng cụ quản lý				
1	Máy Phô tô			60.9
Tổng cộng				3.413.

Các hạng mục đầu tư đều được phê duyệt, thẩm định, thực hiện đúng quy trình và đã đưa vào sử dụng.

Công tác sửa chữa bảo dưỡng dây chuyền thiết bị sản xuất đường, tốt hơn so với vụ trước, không có sự cố lớn xảy ra tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục.

2.3 Về công tác nguyên liệu

Diện tích vụ đông xuân 2020-2021 giảm 11% so với kế hoạch

Về năng suất : tăng 11% so với kế hoạch

Về sản lượng tăng 13% so với kế hoạch

Thu hồi nợ trong năm đạt : 99.89%

Vùng nguyên liệu của công ty còn dãn trải nên việc quản lý khá phức tạp, việc đưa giống mới có năng suất chất lượng vào thay thế còn nhiều hạn chế, vấn đề đưa cơ giới hóa, đưa khoa học kỹ thuật áp dụng trong trồng mía rất khó khăn.

Công tác đôn chặt vận chuyển NĐTC 2020-2021 thực hiện tốt đáp ứng được kế hoạch sản xuất.

Mô hình câu lạc bộ 80 tấn/ha, qua nhiều năm hoạt động không hiệu quả nên Công ty đã có quyết định dừng chi trả phụ cấp cho câu lạc bộ.

2.4 Công tác sản xuất chế biến, tiêu thụ đường

- NĐTC 2020-2021 là một niên vụ thuận lợi cho sản xuất chế biến của công ty. Thời gian thu hoạch mía đúng thời vụ, nhà máy chế biến đường thực hiện tốt công tác bảo dưỡng nên trong quá trình sản xuất không có sự cố lớn, an toàn thiết bị > 98%, hiệu suất thu hồi >85%, an toàn lao động 100% .Sản lượng đường sản xuất trong năm được 16.950,4 tấn tăng 30,6 % so với kế hoạch. Tỷ lệ mía /đường bình quân 8,22; chất lượng đường thành phẩm tốt hơn vụ trước.

Về sản lượng đường tiêu thụ NĐTC 2020-2021 tăng hơn 27,5 so với kế hoạch, giá bán tăng vì vậy vốn lưu động của công ty được đảm bảo.

Vật tư hóa chất tiêu hao dùng trong sản xuất đều nằm trong định mức

2.5 Công tác nhân sự

- Thực hiện các chính sách lao động theo đúng luật định. Công tác định biên tuyển dụng kịp thời, giải quyết đầy đủ chế độ cho người lao động. Tuy nhiên ở một số vị trí nhân lực chất lượng cao vẫn bị thiếu.

2.6 Công tác khác

Công tác an toàn lao động, an ninh trật tự được thực hiện tốt, công tác phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp được thực hiện thường xuyên, Công tác bảo vệ xử lý môi trường thu gom rác thải trong năm vừa qua đạt yêu cầu.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thẩm định báo cáo tài chính NĐTC 2020-2021

- Báo cáo tài chính đã được trình bày đầy đủ, rõ ràng phản ánh trung thực, hợp lý về tình hình tài chính của công ty. Công ty đã chấp hành đúng theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

- BKS thẩm định và thống nhất với các nội dung của báo cáo tài chính NDTC 2020-2021 đã được công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán .

2. Tình hình tài chính của công ty NDTC 2020-2021:

TÀI SẢN		Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 30/06/2020	So sánh %
A-	TÀI SẢN NGẮN HẠN	106.747.086.394	60.084.611.862	177
I.	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>63.298.896.318</i>	<i>16.881.696.811</i>	
II.	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>			
III	<i>Các khoản phải thu</i>	<i>19.054.624.775</i>	<i>13.606.352.466</i>	
III	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>24.393.565.301</i>	<i>29.596.595.585</i>	
IV	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>			
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	60.017.914.090	67.747.955.606	88,5
I.	<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>			
II.	<i>Tài sản cố định</i>	<i>49.247.222.599</i>	<i>55.219.390.252</i>	
III	<i>Bất động sản đầu tư</i>			
IV	<i>Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>5.671.085.765</i>	<i>5.650.173.955</i>	
V	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>5.099.605.726</i>	<i>6.878.391.399</i>	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		166.765.000.484	127.832.600.468	130
A-	NỢ PHẢI TRẢ	48.556.123.167	66.076.713.478	73
I.	<i>Vay và nợ ngắn hạn</i>	<i>48.556.123.167</i>	<i>63.545.322.478</i>	
II	<i>Nợ dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>2.531.391.000</i>	
B-	VỐN CHỦ SỞ HỮU	118.208.877.317	61.755.886.990	191
I.	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>118.173.877.317</i>	<i>61.720.886.990</i>	
II.	<i>Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<i>35.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		166.765.000.484	127.832.600.468	130

Một số chỉ tiêu phân tích đánh giá tình hình tài chính của công ty

Chỉ tiêu	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/07/2020
1-Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Cơ cấu tài sản		
-Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	64%	47%

- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	36%	52,9%
1.2 Cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	29%	51,6%
- Nguồn VCSH/ Tổng nguồn vốn	71%	48,3%
2- Khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/NNH)	2,19	0,94
- Khả năng thanh toán tổng quát (TTS/NPH)	3,43	1,93
3. Tỷ suất sinh lời		
- Tỷ suất LNST/ Doanh thu thuần	23%	2,97%

Tình hình tài chính NĐTC 2020-2021 so với NĐTC 2019-2020 đã được cải thiện, vốn chủ sở hữu chiếm tỉ trọng lớn hơn trong cơ cấu nguồn vốn. Công ty tự chủ được nguồn tài chính. Khả năng thanh toán tốt.

IV. SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, BTGD VÀ CỔ ĐÔNG

Mối quan hệ giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc công ty được duy trì dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ: đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình điều hành.

Các thành viên BKS được cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động SXKD của công ty, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc; được mời tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của công ty. Để từ đó BKS nắm bắt được các thông tin, tình hình hoạt động của công ty cũng như trao đổi tham gia cùng HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản trị điều hành.

Đối với cổ đông: BKS cũng trao đổi thông tin và tiếp thu ý kiến đóng góp của cổ đông. Trong NĐTC 2020-2021 BKS chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Đối với vùng nguyên liệu

Quy hoạch vùng nguyên liệu trọng điểm, có chính sách đầu tư phù hợp, chú trọng cơ giới hóa và trồng đúng quy trình kỹ thuật, thâm canh các giống mía mới, để tăng năng suất chất lượng mía, tăng thu nhập cho các hộ trồng mía.

Phân bổ địa bàn cho cán bộ địa bàn phù hợp với chính sách giao xe hiện nay.

2. Đối với dây chuyền sản xuất

Cải tạo, thay thế các thiết bị tự động hóa, bán tự động để nâng cao chất lượng sản phẩm có tính cạnh tranh. Kiểm soát tốt các công đoạn trong sản xuất theo chỉ tiêu KTKT, sử dụng các vật tư, hóa chất tiêu hao đúng định mức tiết kiệm chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.

3. Đối với HĐQT, Ban TGD

- Nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm;
- Cân đối dòng tiền, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả;
- Cân đối giữa vốn vay ngắn hạn và dài hạn
 - Tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm;
 - Chỉ đạo xây dựng quy chế quản lý tài chính, định mức sử dụng vật tư trong sửa chữa bảo dưỡng.
- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp lao động, tuyển dụng và đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề, bố trí đúng người đúng việc để tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả SXKD.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VỤ 2021-2022

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Điều lệ công ty. BKS công ty CP mía đường Cao Bằng dự kiến kế hoạch hoạt động trong NĐTC 2021-2022 như sau:

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh NĐTC 2021-2022.
- Kiểm tra giám sát các khoản định mức tiêu hao và các chi phí sản xuất để SXKD đạt hiệu quả.
- Kiểm tra tính tuân thủ và tình hình quản lý tài chính của công ty.
- Thẩm định BCTC năm của công ty.
- Các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ của BKS quy định trong Điều lệ của Công ty.

Trên đây là những nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát công ty CP mía đường Cao Bằng. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Hoàng Thị Quyết



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 345/BC - MĐ

Tà Lùng, ngày 05 tháng 10 năm 2021

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĐTC 2020 - 2021
VÀ MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĐTC 2021 - 2022**

**Phần I
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĐTC 2020-2021**

I/ Đặc điểm tình hình:

*** Thế giới**

Tổ chức đường thế giới (ISO) đã thay đổi dự đoán trước đó về thâm hụt đường toàn cầu từ 4,8 triệu tấn xuống 3,1 triệu tấn trong niên vụ 2020-2021. do tiêu thụ đường trên toàn thế giới giảm. ISO dự báo sản lượng đường tiêu thụ toàn cầu sẽ giảm từ 173,8 triệu tấn xuống 172,4 triệu tấn. Nguyên nhân do sự bùng phát dịch COVID-19 ở Ấn Độ và Brazil, hai quốc gia sản xuất đường hàng đầu thế giới. Trong khi đó, sản lượng toàn cầu dự kiến tăng nhẹ lên 169,2 triệu tấn, tăng so với dự báo trước đó là 169 triệu tấn, với sự điều chỉnh tăng tại Brazil bù đắp một phần bởi ước tính thấp hơn cho Thái Lan và Cuba.

*** Trong nước**

- Sau khi thủ tướng chính phủ ban hành chỉ thị số 28/CT-TTg, ngày 14/7/2020 về việc “triển khai các giải pháp phát triển ngành mía đường Việt Nam trong tình hình mới” tiếp đó ngày 21/9/2020, bộ công thương thực hiện chỉ thị 28 và các kiến nghị của Hiệp hội VSSA đã ban hành quyết định số 2466/QĐ-BCT, về việc “điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ vương quốc Thái Lan. Mặc dù vậy nhưng đường nhập khẩu theo hiệp định ATIGA và đường nhập lậu vẫn vào Việt Nam và làm chủ thị trường trong nước. Giá đường ở mức thấp, sức tiêu thụ chậm ở 6 tháng cuối năm 2020 .

- Sau 5 tháng điều tra, ngày 9/02/2021 bộ Công thương ban hành Quyết định số 477/QĐ-BCT về việc “Áp dụng thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp tạm thời đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ vương quốc Thái Lan” cộng với sự khủng hoảng

Container trong ngành logistic thì đường nhập khẩu mới chững lại và giá đường trong nước bắt đầu được cải thiện.

- Ngày 15/6/2021 có thể xem là một mốc lịch sử của ngành đường Việt Nam khi Bộ Công Thương sau quá trình điều tra theo đúng các quy định của Luật Quản lý ngoại thương cũng như quy định của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đã ra Quyết định số 1578/QĐ-BCT áp dụng mức thuế chống bán phá giá chính thức là 42,99% và mức thuế chống trợ cấp chính thức là 4,65% đối với sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Thái Lan trong thời hạn 5 năm. Giá đường của Việt Nam đã tăng lên đáng kể so với trước nhưng vẫn thấp hơn giá nội địa trong khu vực ASEAN và Trung Quốc.

- Sau thời gian dài đường nhập lậu và nhập chính ngạch được trợ giá từ Thái Lan làm giá đường trong nước giảm sâu, hệ thống nhà máy sản xuất trong nước phải cắt lỗ, bán dưới giá thành đã làm suy yếu ngành mía đường Việt Nam, nhiều nhà máy đã phải đóng cửa do kinh doanh thua lỗ hoặc do thiếu nguyên liệu mía cho sản xuất vì giá mía thấp, dân không trồng mía.

- Theo báo cáo của hiệp hội mía đường, kết quả sản xuất mía trong 3 năm lại đây

TT	Nội dung	Vụ 18/19	Vụ 19/20	Vụ 20/21	So vụ 19/20	So vụ 18/19
1	Diện tích mía	192.386	150.689	128.670	- 14,6%	-33%
2	Sản lượng mía	12.201.667	7.662.235	6.739.417	-12%	-45%

Như vậy diện tích, sản lượng mía qua các năm đều giảm, .

* Công ty

- Vụ ép 2020-2021 là vụ ép thành công của công ty Cổ phần mía đường Cao Bằng, thực hiện sản xuất kinh doanh thuận lợi vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc, 05 phòng chức năng, 1 tổ bảo vệ 1 tổ sửa chữa cơ khí ; 3 phân xưởng trực tiếp sản xuất .

- Về nhân lực : 31 lao động gián tiếp

280 lao động trực tiếp.

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vụ ép 2020-2021

1. Kết quả sản xuất mía nguyên liệu.

a/ Đặc điểm vùng nguyên liệu:

- Vùng nguyên liệu của công ty chủ yếu thuộc huyện Quảng Hòa, ngoài ra còn có một phần nhỏ thuộc huyện Thạch An và Trùng Khánh.
- Trong bối cảnh sản xuất kinh doanh gặp khó khăn nhiều năm liền, giá mía giảm theo giá đường vùng nguyên liệu của Công ty đã bị thu hẹp nhiều, nhiều diện tích đất nông dân đã chuyển đổi cây trồng, sản lượng mía theo đó cũng giảm qua các năm:

TT	Nội dung	Vụ 18/19	Vụ 19/20	Vụ 20/21
1	Diện tích mía (ha)	3.018,12	2.710,17	2.047,48
2	Sản lượng mía (tấn)	193.108	144.352	138.937
3	Năng suất (tấn/ha)	64	53	67,86

- Diện tích giảm 24,45% so với vụ 19/20 và giảm 32% so vụ 18/19.
- Sản lượng giảm 3,75% so vụ 19/20 và giảm 28% so vụ 18/19.

b/ Một số kết quả đạt được

- Mặc dù trong điều kiện khó khăn nhưng năm qua công tác nguyên liệu đã đạt được nhiều kết quả tích cực như bảng sau:

Kết quả một số chỉ tiêu chủ yếu như sau :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 19/20	Vụ ép 20/21		Tỉ lệ % TH	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH vụ 19/20	KH vụ 20/21
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Tổng diện tích	ha	2.047	2.450	2.182	106,5	89%
2	Diện tích trồng mới	ha	697	1.000	963	138	96%
3	Tổng sản lượng mía	Tấn	144.801	124.867	141.580	97,7	113,3
	<i>Trong đó mía xuất khẩu</i>	<i>Tấn</i>	<i>5.601</i>		<i>0</i>		
	<i>Mía ngoài vùng NL</i>	<i>Tấn</i>			<i>2.643</i>		
4	Năng suất	Tấn/ha	53	61	68	128	111%
5	Trữ đường bình quân	ccs	11,32	11	12,33	108,9	112%

c/ Đánh giá kết quả đạt được:

- Năng suất tăng, chất lượng mía tăng so với vụ trước, CCS đạt 12,33% (vụ 18/19 là 10,55%; vụ 19/20 là 11,32%).
- Sản lượng mía : 141.580 tấn (trong đó : 2.643 tấn mía ngoài vùng NL) tăng 13% so với kế hoạch (KH 124.867 tấn)
- Tổng diện tích mía vụ đông xuân 2020-2021 được 2.182 ha đạt 89 % kế hoạch. Trong đó diện tích trồng mới 963 ha đạt 96% so với kế hoạch (KH 1.000 ha)
- Cơ cấu giống mía: ROC 22 vẫn là giống mía chủ đạo của vùng nguyên liệu, chiếm 73% diện tích, số còn lại 17% diện tích là các giống mía khác

1.2. Kết quả thu mua, đồn chặt, vận chuyển

- Vụ ép 2020-2021 Công ty thu mua hết số mía đã ký hợp đồng với các hộ nông dân vùng nguyên liệu.
- Sau khi vào vụ ép nhận thấy giá đường trong nước được cải thiện, Công ty cũng đã điều chỉnh tăng giá mía 02 lần: lần 1 tăng 50.000đồng/tấn từ ngày 02/01/2021. Lần 2 tăng 20.000đồng/tấn từ ngày 22/01/2021
- Giá mua mía bình quân cả vụ tại nhà máy : 923 đồng/kg, tại ruộng là: 867 đồng/kg.
- Tiền mía được thanh toán kịp thời, chính xác.
- Công tác đồn chặt, vận chuyển hợp lý, chủ động đáp ứng theo kế hoạch sản xuất của dây chuyền, tỷ lệ mía cũ, đầu đen, đầu đỏ ít.

1.3. Kết quả đầu tư thu hồi công nợ

- Niên vụ 2020-2021 Công ty vẫn duy trì chính sách đầu tư, khuyến khích đối với các hộ nông dân trồng mía như: cho vay phân bón, mía giống không tính lãi, hỗ trợ 100% đối với giống mía mới QĐ 42; hỗ trợ hơn 50% đối với giống mía Hạ lang, ngân sách nhà nước cấp 100% vốn đối với giống KK3. Tổng số tiền đầu tư cho vụ 2021-2022: 8.591.761.710 đồng, tăng 126% so với vụ trước.

1.4. Tình hình thu nợ vụ 2020-2021:

Tổng tiền đầu tư vụ 2020-2021 : 3.809.547.008 đồng

Tổng số đã thu được đến 30/6/2021 : 3.805.497.008 đồng (99,89% so với TĐT) Số dư nợ tại ngày 30/6/2021 là : 4.050.000 đồng đây là nợ cũ từ 18-19 chuyển sang, số nợ cũ này tiếp tục thu trong vụ tới 2021-2022.

1.5. Công tác khác vùng nguyên liệu :

Câu lạc bộ 80 tấn/ha, sau nhiều năm thành lập và hoạt động với mục đích nhân rộng mô hình trồng chăm sóc mía theo kỹ thuật canh tác, thúc đẩy tăng năng suất trong vùng nguyên liệu. Qua thống kê xem xét thấy mô hình đã hoàn thành sứ mạng của nó và không phù hợp bối cảnh hiện nay. Do vậy Công ty đã quyết định dừng tài trợ hoạt động câu lạc bộ mía 80 tấn/ha.

2. Kết quả sản xuất chế biến đường

- Vụ sản xuất 2020 -2021 bắt đầu từ ngày 01/12/2020 và kết thúc ngày 17/3/2021. Trong quá trình sản xuất hầu hết các công đoạn trên dây chuyền đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt và vượt kế hoạch đề ra ở phần lớn các chỉ tiêu, cụ thể theo bảng số liệu sau:

2.1 Bảng chỉ tiêu kết quả sản xuất

T T	Các chỉ tiêu chính	Đơn vị	TH vụ 19/20	Vụ 2020 - 2021			% so với vụ 2019- 2020
				KH	TH	% (TH/KH)	
1	2	3	4	5	6	7 = 6/5	8=6/4
I	Chỉ tiêu						
1	Sản lượng mía ép	Tấn	141.009	120.000	141.501	117,91	100,35
2	Sản lượng mía sạch	Tấn	138.751	120.000	139.294	116,05	100,33
3	Hàm lượng đường trong mía	%	12,704	12,973	13,804	106,4	108,7
4	Năng suất ép thực tế	t/ngày	1.646	1.630	1.577	96,7	95,81
5	Pol bã	%	1,97	< 2,13	2,22	100,9	112,6
6	Ap mật rỉ	%	32,12	< 31,5	36,07	114,5	112,0
7	Pol bùn khô	%	10,0	< 12,75	12,11	94,9	121,09
8	Hiệu suất ép	%	96,54	> 96,65	96,59	99,93	100,5
9	Hiệu suất chế luyện	%	86,71	> 86,61	88,78	102,5	102,38
10	Tổng hiệu suất thu hồi	%	83,71	> 83,71	85,75	102,4	102,44
11	Tỷ lệ mía/đường		9.19	9.25	8.22	88.8	89.4
11	Sản lượng đường Trong đó: Đg trắng loại I Đg vàng loại I	tấn tấn tấn	15.101 12.124 2.976	12.973 6.350 6.623	16.950,40 5.605,65 11.344,75	130,6	112,2
12	Tỷ lệ đường loại II	%					
13	ATTB Cán ép	%	96,61	98,0	98,27	100,2	101,7
14	ATTB Chế luyện	%	99,96	99,00	99,49	100,5	99,5
15	ATTB Động lực	%	99,87	98,5	99,99	101,5	100,12
II	Tổn thất						
1	Tổn thất theo bã	%	3,456	3,35	3,41	101,79	98,68
2	Tổn thất theo bùn	%	1,181	1,48	1,316	88,91	111,42
3	Tổn thất theo mật rỉ	%	8,195	8,32	8,815	105,94	107,63
4	Tổn thất không xác định	%	3,454	3,14	0,71	22,6	20,55
5	Tổng tổn thất	%	16,286	16,3	14,25	87,42	87,5
III	Tiêu hao						

1	Mía nguyên liệu	T/tsp	9,19	9,25	8,22	88,86	89,42
2	Điện mua	kw/tsp	8,54	< 8	10,7	133,75	152,8
3	Củi	M ³ /tsp	0,007	0,015	0,01	65,3	147,89
4	Lưu huỳnh	Kg/tsp	6,11	7	5,39	76,96	88,22
5	H ₃ PO ₄	Kg/tsp	0,9572	1,5	0,78	52,0	81,55
6	Vôi	Kg/tsp	14,696	15,5	10,767	69,46	73,26
7	Lượng mật rỉ/ mía	%	3,64	< 4	3,84	96	105,4

2.2. Đánh giá kết quả đạt được

- Nguồn nguyên liệu đầu vào có chất lượng, cỡ đường cao. Dây chuyền sản xuất ổn định, các công đoạn kiểm soát tốt các chỉ tiêu, ban ĐHSX và trưởng các bộ phận sản xuất đã linh động điều chỉnh công suất và các chỉ tiêu kỹ thuật dây chuyền để đạt được tỷ lệ thu hồi cao, hạn chế tối đa tổn thất. Rất nhiều chỉ tiêu đạt vượt kế hoạch như: sản lượng mía đã trừ tạp chất vượt kế hoạch tăng 16%; Tổng hiệu suất thu hồi 85,75%; Tỷ lệ mía/đường 8,22/ KH 9,25; tổng tổn thất giảm 14,25/ KH 16,3% và còn nhiều chỉ tiêu khác đạt được hết sức tích cực đem đến hiệu quả sản xuất đạt được ngoài mong đợi đó là tổng đường nhập kho vượt 12% so vụ trước và tăng 30% so kế hoạch.

Tuy nhiên bên cạnh đó còn nhiều chỉ tiêu chưa đạt theo kế hoạch cần có giải pháp hạn chế, khắc phục trong vụ tới điển hình như: Hiệu suất ép, AP mật rỉ cao; tiêu hao điện mua cao...

3. Kết quả hoạt động kinh doanh vụ 2020-2021

Hoạt động kinh doanh vụ 2020-2021 diễn ra tương đối thuận lợi với sự vào cuộc của Bộ công thương cho ra đời Quyết định 477/QĐ-BCT ngày 09/2/2021 về việc áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp tạm thời với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ vương quốc Thái Lan. Giá đường trong nước bắt đầu có sự chuyển biến tích cực, nhờ đó kết quả kinh doanh vụ 2020-2021 của Công ty Cổ phần mía đường Cao Bằng đạt được những thành quả nhất định cụ thể :

3.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh vụ 2020-2021 :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH vụ 19/20	KH vụ 20/21	TH vụ 20/21	Tỷ lệ %	
1	2	3	4	5	6	7	
I	PHẦN NHẬP KHO					TH/Kh	TH/TH
1	SL đường sản xuất nhập kho	tấn	15.101,4	12.973	16.950,4	130,6	112,2
	- SL đường trắng	Tấn	12.124,5	6.350	5.605,65		

	- SL đường vàng	tấn	2.976,9	6.623	11.344,75		
2	SL đường gia công đóng túi	tấn	1.574,4	1.500	1.704,5	113,6	108,2
	- SL đường trắng	tấn	1.033,1	1.000	1.094,7		
	- SL đường vàng	tấn	541,3	500	609,8		
3	Sản lượng mật rỉ nhập kho	tấn	5.576	4.800	5.439	113,3	97,5
II	PHẦN TIÊU THỤ						
1	Sản lượng đường tiêu thụ	tấn	21.938,8	13.500	17.225	127,5	78,5
	Đường trắng bao	tấn	13.395,5	6.000	6.452		
	Đường trắng túi	tấn	1.017,5	1.000	1.099,9		
	Đường vàng bao	tấn	6.999,3	6.000	9.059,8		
	Đường vàng túi	tấn	526,5	500	613		
2	Sản lượng mật rỉ tiêu thụ	tấn	5.576,3	4.800	4.714	98,2	84,5
3	SL P.vi sinh	tấn	5		5,5		
4	SL P.vi sinh+bã bùn+tro lò	tấn	6.984	3.000	6.375	212,5	91,2
III	GIÁ BÁN CHƯA VAT						
	Giá đường bình quân	đ/kg	10.840	11.111	13.517	121	124
	Giá mật rỉ	đ/kg	1.951	1.900	2.032	107	104
	Giá bán P.vi sinh	đ/kg	1.940		2.106		
	Giá bán bã bùn+tro lò	đ/kg	133	150	209	139	157
IV	DOANH THU CHÍNH	1000đ	260.619.536	163.270.000	243.753.080	149	93,5
	Doanh thu đường	1000đ	237.531.525	153.700.000	232,829,406	151,4	98
	Doanh thu Mật rỉ	1000đ	10.881.197	9.120.000	9,578,581	105	88
	Phân Vi sinh	1000đ	9.700		11,585		
	Phân hữu cơ + Tro lò	1000đ	931.256	450.000	1,333,508	296	143
V	DOANH THU KHÁC			0	12.971.159		
	Mía xuất khẩu	1.000	6.447.271	0	0		
	Doanh thu tài chính	1.000	128.507	0	614.116		477,8
	Doanh thu khác	1.000	4.690.080	0	12.357.043		263,4
VI	TỔNG CHI PHÍ	1000đ	253.018.708	161.338.078	199.760.867	123,8	78,9
	CP giá vốn	1.000	236.535.512	150.394.627	180,405,459	119,9	76
	CP tài chính	1.000	5.471.937	3.966.667	3,201,411	80,7	58,5
	CP bán hàng	1.000	1.471.944	1.513.460	1,190,046	78,6	80,8
	CP quản lý doanh nghiệp	1.000	5.657.669	5.463.324	5,539,922	101,4	97,9
	CP khác	1.000	3.881.647	0	9,424,029		242,7

VII	LỢI NHUẬN TT	1000đ	7.600.828	1.931.922	56.963.372	2.816	715
VIII	Nộp NSNN	1000đ	10.188.053	6.500.000	12.176.663	187	119
IX	Tổng số LĐ có mặt BQ năm	người	163		158		
X	Thu nhập BQ	1000đ	5.400	5.400	5.715	105,8	105,8

3.2 Đánh giá kết quả đạt được

- Về Doanh thu : doanh thu chính Vụ ép 2020-2021 tăng 49% so với kế hoạch tương ứng tăng số tiền là : 80.483 triệu đồng, doanh thu tăng là do giá bán tăng và số lượng bán ra của các sản phẩm đều tăng so với kế hoạch.

Cụ thể chi tiết doanh thu các sản phẩm tăng: doanh thu sản phẩm đường tăng 51,4%; doanh thu mật rỉ tăng 5%; Doanh thu bã bùn tăng 196%.

- Về chi phí :

Tổng chi phí vụ 2020-2021 tăng lên so với kế hoạch là 23% : Trong đó Chi phí giá vốn tăng 19,9% nguyên nhân là sản lượng đường xuất bán tăng lên 27,5%. Các chi phí tài chính, chi phí bán hàng đều thấp hơn so với kế hoạch, chi phí quản lý cao hơn 1,4% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận :

Vụ 2020-2021 lợi nhuận trước thuế tăng cao so với kế hoạch

- **Nộp ngân sách vượt 87% so với kế hoạch (6.500 tr đ)**

4. Kết quả các mặt công tác khác

4.1. Về công tác lao động tiền lương

Công tác tổ chức lao động niên vụ 2020-2021 : Công ty đã sắp xếp lao động hợp lý để ổn định công tác tổ chức, đáp ứng được chất lượng công việc nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động, giảm chi phí sản xuất kinh doanh . Định biên lao động vụ 2020-2021 là 311 người giảm 22 người so với vụ trước. Tiền lương bình quân của người lao động là 5.715.000 đồng/người/ tháng. Vụ ép 2020-2021 ngoài tiền lương theo sản phẩm công ty còn chi thêm từ quỹ lương bổ sung 35.000đ/ 1 ngày công từ tháng 12/2020 đến tháng 3/2021 (hết vụ). Nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm đảm bảo quyền lợi cho CBCNV người lao động.

4.2. Về công tác thi đua khen thưởng.

Để khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động sáng tạo trong công việc, khi vào vụ công ty đã phát động phong trào” thi đua phần đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong sản xuất” tất cả các phòng ban, phân xưởng đều đăng ký tham gia. Kết thúc vụ ép Công ty đã xem xét bình chọn kết quả như sau :

Tập thể lao động xuất sắc : 02 tập thể

Tập thể lao động tiên tiến : 03 tập thể

Cá nhân lao động xuất sắc : 24 lao động

Cá nhân lao động tiên tiến : 69 lao động

4.3. Công tác an ninh trật tự, an toàn lao động.

- Đảm bảo an toàn an ninh trật tự trong công ty.
- Giám sát, kiểm tra hướng dẫn CBCNV người lao động và khách hàng thực hiện nội quy quy định của công ty.
- Công tác an toàn lao động trong toàn Công ty được duy trì và thực hiện tốt, vụ ép 2020-2021 không xảy ra tai nạn lao động.

4.4. Công tác duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO:9001-2015.

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 được duy trì thường xuyên. Công tác kiểm soát đảm bảo phòng chống dịch covid-19 thực hiện tốt.

III/ Hạn chế tồn tại và nguyên nhân.

1. Đối với vùng nguyên liệu mía

1.1. Hạn chế, tồn tại.

- Diện tích trồng mới không đạt theo kế hoạch (đạt 96% kế hoạch).
- Một số cán bộ địa bàn chưa thật sự sâu sát, chưa phát huy cao tinh thần trách nhiệm, chưa chủ động nắm tình hình nên quá trình điều tra, thống kê số liệu ở một số vùng chưa chính xác.
- Một số tuyến đường giao thông nội vùng mía xuống cấp nên khó khăn cho việc vận chuyển mía.
- Công tác tuyên truyền vận động của cán bộ địa bàn chưa được tốt
- Việc áp dụng cơ giới hóa vào trồng, chăm sóc mía còn nhiều hạn chế.

1.2. Nguyên nhân

- Do điều kiện về địa lý đa số vùng trồng mía diện tích đều nhỏ lẻ manh mún nên việc ứng dụng cơ giới hóa rất khó khăn.

- Do giá cả thị trường đường không ổn định, giá mía giảm, nên người dân vẫn còn dè chừng lựa chọn.
- Trình độ chuyên môn của CBĐB không đồng đều cũng ảnh hưởng đến công tác tuyên truyền vận động các nông hộ trồng mía.
- Chưa có giống mía mới đạt tiêu chuẩn phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của vùng nguyên liệu mía công ty
- Chưa có cơ chế phù hợp để khuyến khích các nông hộ chú trọng chăm sóc mía theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Do thời tiết khô hạn vụ trồng đông xuân 2020-2021 ảnh hưởng đến chỉ tiêu trồng mới.

2. Đối với dây chuyền thiết bị chế biến đường

2.1. Hạn chế tồn tại

a/ Phân xưởng cán ép:

Thiết bị Bục lùa hay bị hỏng do xích đã sử dụng lâu; bộ nén trục đỉnh thường xuyên bị rò dầu không đảm bảo áp lực nén; Lực đỉnh máy 1 bị mòn nhanh phải thay nhiều lược dự phòng do lô hàn nhám không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; hiện tượng gãy gãy bu lông hãm lược đáy vẫn xảy ra ở máy 4 phải dùng thay lược đáy giữa vụ ép.

b/ Phân xưởng chế luyện:

+ Hệ thống thiết bị còn xảy ra nhiều sự cố ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất như: Máy đo pH tự động chưa ổn định, ảnh hưởng đến các chỉ tiêu ở công đoạn làm sạch; móp ống chân không nồi nấu A; Công tác bảo ôn thiết bị, đường ống chưa tốt gây tổn thất năng lượng.

+ AP mật rỉ; Pol bùn cao không đạt chỉ tiêu kỹ thuật gây tổn thất đường đặc biệt trong sản xuất đường vàng,

+ Kích cỡ hạt đường thành phẩm chưa đồng đều, tỉ lệ đường bụi hạt ngoài tiêu chuẩn còn cao.

+ Độ màu đường thành phẩm chưa ổn định giữa các nồi nấu và chưa theo kịp thị hiếu thị trường.

c/ Phân xưởng Động lực :

Quản lý và sử dụng nước còn thất thoát nhiều; Lương điện lưới tiêu hao Kw/tsp còn cao hơn so với chỉ tiêu, do có thời điểm thiếu bã dự phòng phải hòa lưới điện để xả bã cho nấu vét.

2.2. Nguyên Nhân:

- + Hệ thống thiết bị sử dụng lâu năm, công tác kiểm tu, SCBD chưa kỹ, còn chủ quan. Trình độ năng lực còn hạn chế đặc biệt đối với lĩnh vực điện tự động hóa.
 - + Năng lực thiết bị chưa đồng bộ đặc biệt công đoạn nấu chưa đáp ứng đồng bộ cùng công suất dây chuyền, công nhân nhiều cương vị chưa làm chủ được cương vị.
 - Năng lực chuyên môn của một số lao động chưa đáp ứng được yêu cầu.
- Công tác vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường tại một số tổ, bộ phận chưa được tốt.

3. Đối với công tác khác.

3.1 Hạn chế tồn tại.

- Năng lực chuyên môn của một số lao động chưa đáp ứng được yêu cầu.
- Một số thiết bị kiểm nghiệm còn thiếu hoặc đã sử dụng lâu năm độ chính xác kém.
- Hệ thống thiết bị một số khâu chưa được đầu tư đồng bộ.

3.2. Nguyên nhân.

- Công ty chưa có điều kiện mở lớp chuyên ngành cho người lao động.
- Điều kiện kinh tế chưa đảm bảo để đầu tư thiết bị thay thế.

IV. Một số giải pháp, kiến nghị.

- Mở lớp đào tạo, bồi dưỡng về công nghệ chế biến cho người lao động, đặc biệt là lao động trẻ chưa qua đào tạo. Tổ chức thi nâng bậc theo định kỳ để tạo động lực, ý thức cho người lao động tự học tập, nghiên cứu nâng cao chuyên môn.
- HĐQT xem xét từng bước đầu tư nâng cấp thiết bị để đồng bộ được về công suất giữa các công đoạn của dây chuyền.

Phần II

MỤC TIÊU KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP NIÊN VỤ 2021- 2022

I. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NIÊN VỤ 2021-2022

STT	Một số chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	TH vụ 2020 - 2021	KH vụ 2021- 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Diện tích mía	ha	2.182	2.500	

2	Diện tích trồng mới	ha	963	1.100
3	Sản lượng mía đưa vào sản xuất	tấn	139.294	134.648
4	Năng suất BQ	tấn /ha	68	64
5	Chữ đường mía BQ	ccs	12.33	11,2
6	Công suất ép BQ/ngày SX	tấn/ngày	1.577	1.600
7	Công suất ép thực tế BQ	tấn/ngày	1.497	1.445
8	Số ngày ép thực tế	ngày	89,72	84,16
9	Hiệu suất tổng thu hồi	%	85,75	84,5
10	Tổng tổn thất	%	14,25	15,5
11	AP mật rỉ	%	36,07	32
12	Tỷ lệ mía /đường		8.22	9
13	SL đường nhập kho	tấn	16.950,4	14.960,8
	<i>Đường Trắng</i>	<i>tấn</i>	5.605,65	7.480,4
	<i>Đường Vàng</i>	<i>tấn</i>	11.344,75	7.480,4
14	SL đường tiêu thụ	tấn	17.225	15.150
15	SL mật rỉ tiêu thụ	tấn	4.714	5.610
16	SL Phân hữu cơ+tro lò	tấn	6.375	3366
17	Tổng doanh thu	1000đ	243.753.080	217.756.870
	Trong đó :			
17.1	<i>Doanh thu đường</i>	<i>1000đ</i>	232,829,406	205.300.000
17.2	<i>Doanh thu mật rỉ</i>	<i>1000đ</i>	9,578,581	11.483.670
17.3	<i>DT phân hữu cơ+ tro lò + VS</i>	<i>1000đ</i>	1,345.093	973.200
18	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	56.963.372	26.683.625
19	Nộp NSNN	1000đ	12.176.663	8.500.000

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NIÊN VỤ 2021 – 2022

1. Đối với vùng nguyên liệu:

- Đầu tư quy hoạch vùng nguyên liệu mía trọng điểm
- Triển khai phương thức quản lý hiện đại nhằm tối ưu hóa nguồn lực Công ty
- Cán bộ nguyên liệu cần tự nâng cao kiến thức năng lực công tác
- Cần tăng cường tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các nông hộ trồng mía theo quy trình kỹ thuật, áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất mía, thâm canh tăng năng suất, đầu tư phân bón đúng thời gian đủ số lượng, chăm sóc, làm cỏ và phòng trừ sâu bệnh hại mía kịp thời.
- Nghiên cứu, phát triển giống mía mới, đảm bảo chất lượng tăng năng suất, giảm giá thành sản xuất mía.

- Xây dựng kế hoạch đôn chặt, vận chuyển đúng thời vụ để đảm bảo hiệu quả thu hồi và giảm chi phí.

2. Đối với dây chuyền sản xuất

- Lập kế hoạch đầu tư, thay thế, cải tạo, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị kịp thời đáp ứng được yêu cầu trong sản xuất

- Cung cấp vật tư thiết bị đạt yêu cầu, kịp thời theo từng giai đoạn SCBD,

- Thay thế, đầu tư mới các thiết bị hợp lý về giá cả, phù hợp về chất lượng .

- Xây dựng định mức sử dụng vật tư phù hợp với việc sửa chữa bảo dưỡng cải tạo thiết bị.

- Thực hiện kế hoạch SCBD, cải tạo thay thế, nghiệm thu chạy thử thiết bị giảm thiểu sự cố trong sản xuất

- Thay thế một số thiết bị bằng tự động hóa

- Ổn định công suất của nhà máy chế biến, thu mua chế biến đúng thời vụ để đảm bảo hiệu quả thu hồi, chất lượng sản phẩm tốt.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về an toàn lao động, bảo vệ môi trường, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ.

- Chú trọng tuyển dụng, đào tạo nhân lực kế thừa và duy trì nguồn nhân lực chuyên môn cao.

3. Giải pháp về tiêu thụ đường:

- Phát triển kênh phân phối nhằm giữ vững và gia tăng thị phần

- Tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực của hệ thống phân phối

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, thái độ phục vụ

4. Các giải pháp đối với công tác khác.

- Tăng cường tuần tra canh gác bảo vệ tài sản Công ty. Phối hợp với Cơ quan chức năng duy trì tốt công tác an ninh trật tự và tệ nạn xã hội trong Công ty.

- Duy trì hoạt động Công ty theo hệ thống QLCL ISO 9001-2015.

- Tăng cường công tác chống dịch covid -19.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS

- Ban TGD

- Các đơn vị

- Các cổ đông

- Lưu VT, trang WEB

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ma Trung Lập

Số: 346 /TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 10 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua các báo cáo hoạt động của HĐQT, BKS

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 công ty xem xét thông qua nội dung sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trong niên độ tài chính 2020-2021; Kế hoạch hoạt động trong niên độ tài chính 2021-2022.
- Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát niên độ tài chính 2020-2021; Phương hướng hoạt động trong niên độ tài chính 2021-2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- Lưu Vt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nông Văn Thuyết

Số: 347/TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 10 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2020 - 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2021 - 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua nội dung sau:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh niên độ tài chính 2020 - 2021.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch NĐTC 2020-2021	Thực hiện NĐTC 2020-2021	TH/KH (%)
1	Sản lượng mía ép: <i>Trong đó:</i>		120.000	139.294	116,08
	- Sản lượng mía ép cho SX đường	Tấn	120.000	139.294	116,08
	- Sản lượng mía ép cho xuất khẩu	Tấn	0	0	
2	Sản lượng đường nhập kho	Tấn	12.973	16.950	130,66
3	Sản lượng mật rỉ nhập kho	Tấn	4.800	5.439	113,31
4	Sản lượng phân hữu cơ	Tấn	3.000	6.375	212,51
5	Tổng doanh thu sản phẩm chính	Tr. đ	163.270	243.753	149,29
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đ	1.932	56.963	2.948,39



7	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	1.932	56.453	2.921,99
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%/VĐL	0	10	

2. Kế hoạch kinh doanh niên độ tài chính 2021 – 2022:

Từ những thuận lợi và khó khăn đã nêu tại báo cáo của HĐQT, Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch kinh doanh niên độ 2021 – 2022 với một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh sau:

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện NĐTC 2020 - 2021	Kế hoạch NĐTC 2021 - 2022	KH/TH (%)
1	Sản lượng mía ép	Tấn	139.294	134.648	96,99
2	Sản lượng đường nhập kho	Tấn	16.950	14.961	88,26
3	Sản lượng mật rỉ tiêu thụ	Tấn	4.715	5.610	118,98
4	Sản lượng phân hữu cơ tiêu thụ	Tấn	6.375	3.366	52,80
5	Tổng doanh thu sản phẩm chính	Tr. đ	243.753	217.757	89,33
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đ	56.963	26.683	46,84
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đ	56.453	21.346	37,81
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%/VĐL	10	20	200,00

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu Vt.



Nông Văn Thuyết

Số: 348 /TTr-HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 10 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm tài chính 2020 - 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán có đủ điều kiện kiểm toán theo công bố của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ tài chính 2020-2021 của Công ty. Ngày 08/06/2021 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng đã ban hành Nghị quyết số 200/NQ-HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2020 - 2021. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm tài chính 2020 - 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (Báo cáo kiểm toán độc lập số 045B/2021/BCKT-PB.00024 ngày 20/09/2021)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 chấp thuận thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu Vt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nông Văn Thuyết

Tóm tắt
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Năm tài chính: Từ ngày 01/07/2020 đến hết ngày 30/06/2021

(kèm theo tờ trình số 348/TTr-HĐQT-MĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021)

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Cao bằng nhiệm kỳ 2020 - 2025 báo cáo tóm tắt tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính: Từ ngày 01/07/2020 đến hết ngày 30/06/2021 đã được kiểm toán để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

I/ VỐN ĐIỀU LỆ:

Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2021 : 35.279.250.000 VND

Gồm:

Số TT	Cổ đông	Vốn góp			Chiếm tỷ lệ %
		Số cổ phần	M.giá 1 CP (đ)	Giá trị vốn góp (đồng)	
1	Cổ đông là cá nhân	3.331.925	10.000	33.319.250.000	94,45
2	Cổ đông là tổ chức	196.000	10.000	1.960.000.000	5,55
Cộng		3.527.925		35.279.250.000	100

II/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN KIỂM SOÁT; BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1- Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ bãi nhiệm
1. Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/04/2021
2. Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 01/04/2021; từ ngày 01/04/2021 là TV HĐQT
3. Ông Ma Trung Lập	Phó chủ tịch HĐQT	
4. Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Bãi nhiệm ngày 30/10/2020
5. Ông Nông Văn Sơn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/10/2020
6. Bà Mã Thị Quyết	Thành viên HĐQT	

2- Ban kiểm soát:

1. Bà Hoàng Thị Quyết - Trưởng ban kiểm soát
2. Ông Trương Minh Đức - TV Ban kiểm soát
3. Ông Đinh Bế Đính - TV Ban kiểm soát

3- Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ bãi nhiệm
1. Ông Nông Văn Lạc	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/08/2020
2. Ông Ma Trung Lập	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020
3. Ông Nông Thị Nậu	Phó tổng giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020
4. Ông Nông Văn Thuyết	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020 đến ngày 31/03/2021
5. Bà Mã Thị Quyết	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2006

III/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN, NGUỒN VỐN. Từ 01/07/2020 đến hết ngày 30/06/2021.

1- Kết quả sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Niên độ 2020-2021 (Từ 01/7/2020 → 30/6/2021)	Niên độ 2019-2020 (Từ 01/7/2019 → 30/6/2020)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	243,753,082,000	256,143,434,371
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	342,483,333
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	243,753,082,000	255,800,951,038
4. Giá vốn hàng bán	180,405,459,893	236,535,512,973
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63,347,622,107	19,265,438,065
6. Doanh thu hoạt động tài chính	614,116,556	128,507,974
7. Chi phí tài chính	3,201,411,818	5,471,936,524
8. Chi phí bán hàng	1,190,046,363	1,471,944,477
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,539,922,049	5,657,669,380
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	54,030,358,433	6,792,395,658
11. Thu nhập khác	12,357,043,317	4,690,080,745
12. Chi phí khác	9,424,029,050	3,881,647,789
13. Lợi nhuận khác	2,933,014,267	808,432,956
14. Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	56,963,372,700	7,600,828,614
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	510,382,585	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	56,452,990,115	7,600,828,614
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16,002	2,154

2- Tài sản, nguồn vốn (Bảng cân đối kế toán):

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 30/06/2020
TÀI SẢN		
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	106,747,086,394	60,084,644,862
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	63,298,896,318	16,881,696,811
1. Tiền	63,298,896,318	8,881,696,811
2. Các khoản tương đương tiền	-	8,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	19,054,624,775	13,606,352,466

1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9,980,690,901	4,945,239,126
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7,188,480,606	6,413,681,162
3. Phải thu ngắn hạn khác	1,623,500,583	1,985,479,493
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(122,680,000)	(122,680,000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	384,632,685	384,632,685
IV. Hàng tồn kho	24,393,565,301	29,596,595,585
1. Thành phẩm tồn kho	20,285,356,325	25,059,055,244
2. Hàng hóa tồn kho	414,918,172	396,475,129
3. Nguyên vật liệu, công cụ đồ dùng tồn kho	3,369,737,074	3,906,721,560
4. Chi phí sản xuất dở dang	323,553,730	234,343,652
V. Tài sản ngắn hạn khác	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	60,017,914,090	67,747,955,606
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
II. Tài sản cố định	49,247,222,599	55,219,390,252
1. Tài sản cố định hữu hình	47,997,374,145	53,916,778,366
- Nguyên giá	244,215,197,197	241,943,709,679
- Giá trị hao mòn lũy kế	(196,217,823,052)	(188,026,931,313)
2. Tài sản cố định vô hình	1,249,848,454	1,302,611,886
- Nguyên giá	1,842,128,434	1,842,128,434
- Giá trị hao mòn lũy kế	(592,279,980)	(539,516,548)
III. Bất động sản đầu tư	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	5,671,085,765	5,650,173,955
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5,671,085,765	5,650,173,955
V. Đầu tư tài chính dài hạn	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	5,099,605,726	6,878,391,399
1. Chi phí trả trước dài hạn	5,099,605,726	6,878,391,399
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	166,765,000,484	127,832,600,468
NGUỒN VỐN		
C. NỢ PHẢI TRẢ	48,556,123,167	66,076,713,478
I. Nợ ngắn hạn	48,556,123,167	63,545,322,478

1. Phải trả người bán ngắn hạn	157,795,046	309,852,812
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6,736,187,603	4,119,711,103
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3,166,543,930	3,010,495,631
4. Phải trả người lao động	1,437,861,741	1,405,068,602
5. Chi phí trả trước ngắn hạn	219,000,000	790,205,000
6. Phải trả ngắn hạn khác	1,685,868,778	2,156,006,261
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	33,937,168,000	49,937,168,000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,215,698,069	1,816,815,069
II. Nợ dài hạn	-	2,531,391,000
1. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	2,531,391,000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	118,208,877,317	61,755,886,990
I. Vốn chủ sở hữu	118,173,877,317	61,720,886,990
1. Vốn góp của chủ sở hữu	35,279,250,000	35,279,250,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	3,943,264,691
3. Quỹ đầu tư phát triển	66,894,768,803	66,894,768,803
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	9,986,262,112
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15,999,858,514	(54,382,658,616)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	(40,453,131,813)	(61,983,487,230)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	56,452,990,327	7,600,828,614
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	35,000,000	35,000,000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	166,765,000,484	127,832,600,468

* Ghi chú: Số để trong dấu () là ghi số âm (-)

Trên đây là bản tóm tắt Báo cáo tài chính niên độ 2020-2021 (kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2020 đến hết ngày 30/06/2021) của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng đã được kiểm toán (Bản báo cáo tài chính đầy đủ đã được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ truy cập: [Http://www.miaduongcaobang.vn](http://www.miaduongcaobang.vn)).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nông Văn Thuyết

Số: 349/TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 10 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: phân phối lợi nhuận niên độ 2020 - 2021
và kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2021 - 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Báo cáo tài chính niên độ 2020 - 2021 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt nam.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

I. Trích lập các quỹ và mức trả cổ tức cho niên độ 2020 - 2021 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		56,963,372,912
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		510,382,585
3. Lợi nhuận sau thuế TNDN		56,452,990,327
4. Bù đắp lỗ lũy kế		40,512,670,776
5. Phân phối lợi nhuận		15,940,319,551
5.1. Quỹ đầu tư phát triển		
5.2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4%/LNPP	637,612,782
5.3. Quỹ phát triển vùng nguyên liệu	2.5%/LNPP	398,507,988
5.4. Quỹ thưởng ban điều hành quản lý công ty	1.5%/LNPP	239,104,793
5.5. Lợi nhuận chia cổ tức		14,665,093,988

Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

II. Chia cổ tức niên độ 2020 - 2021

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1. Lợi nhuận chia cổ tức:		14,724,632,951
1.1. Lợi nhuận năm TC 2016-2017 chuyển sang		59,538,963
1.2. Lợi nhuận năm TC 2020-2021		14,665,093,988
2. Chia cổ tức:		3,527,925,000
2.1. Bằng tiền mặt	10%/VĐL	3,527,925,000
2.2. Bằng cổ phiếu		0
3. Lợi nhuận chưa chia chuyển sang năm sau		11,196,707,951

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và quyết định:

1. Thời điểm chia cổ tức;
2. Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

III. Kế hoạch phân phối lợi nhuận trong năm tài chính 2021-2022.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2021 - 2022 của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng, HĐQT đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận niên độ 2021 - 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		26,683,625,000
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	20%/LNTT	5,336,725,000
3. Lợi nhuận sau thuế TNDN		21,346,900,000
4. Phân phối lợi nhuận		21,346,900,000
4.1. Quỹ đầu tư phát triển		0
4.2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8%/LNPP	1,707,752,000

Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

0104
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
HỒ CHÍ MINH
40A-T

4.3. Quỹ phát triển vùng nguyên liệu	3%/LNPP	640,407,000
4.4. Quỹ thưởng ban điều hành quản lý công ty	1.5%/LNPP	320,203,500
4.5. Lợi nhuận chia cổ tức		18,678,537,500

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

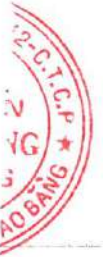
Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- Lưu Vt.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nông Văn Thuyết



Số: 350 /TTr-HDQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 10 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua thù lao HDQT, BKS niên độ 2020 – 2021
và kế hoạch thù lao niên độ 2021 - 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Quy chế phân phối tiền lương vụ ép 2020 - 2021 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ Báo cáo tài chính niên độ 2020 - 2021 của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng báo cáo tình hình thực hiện chi trả thù lao thực tế cho hoạt động của HDQT, BKS từ tháng 07/2020 đến hết tháng 06/2021 như sau:

1- Thù lao cho HDQT, BKS:

Các thành viên của HDQT và BKS điều kiêm nhiệm các chức danh quản lý Công ty, vì vậy thù lao được hưởng bao gồm tiền lương theo chức danh quản lý và phụ cấp HDQT và BKS.

1.1. Căn cứ tính:

- Đối với tiền lương theo chức danh quản lý của HDQT; BKS: Được quy định chung theo quy chế phân phối tiền lương vụ ép 2020 - 2021 của Công ty.
- Đối với phụ cấp HDQT và BKS: Được tính theo hệ số phụ cấp đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 nhất trí thông qua. Cụ thể:
 - + Hội đồng quản trị: Chủ tịch HDQT hệ số phụ cấp là 7,81/ tháng.
Phó chủ tịch HDQT hệ số phụ cấp là 1,35/ tháng.
Ủy viên thường trực HDQT hệ số PC là 1,25/ tháng.
Ủy viên HDQT hệ số phụ cấp là 1,15/ tháng/người.
 - + Ban kiểm soát: Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 6,5/ tháng.
Ủy viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6/ tháng/ người.
- Mức tiền lương tối thiểu của Công ty áp dụng là: 1.600.000 đồng

1.2. Thù lao chi trả thực tế cho HĐQT, BKS:

Thù lao chi trả cho HĐQT:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Chức danh quản lý	Thù lao HĐQT	
				Tiền lương theo chức danh QL	Phụ cấp HĐQT
1	Nông Văn Lạc	Chủ tịch HĐQT		12.772.000	108.048.000
2	Ma Trung Lập	Phó CT HĐQT	Tổng giám đốc	153.809.000	25.920.000
3	Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT từ tháng 4/2021		131.805.000	21.888.000
4	Lê Anh Tuấn	Miễn nhiệm TVHĐQT từ tháng 11/2020		0	7.360.000
5	Mã Thị Quyết	Thành viên	Kế toán trưởng	118.823.000	22.080.000
6	Nông Văn Sơn	TV HĐQT từ tháng 11/2020	NV P. KHKD	26.276.000	14.720.000
Tổng cộng				443.485.000	200.016.000

Thù lao chi trả cho BKS:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Chức danh quản lý	Thù lao BKS	
				Tiền lương theo chức danh QL	Phụ cấp BKS
1	Hoàng Thị Quyết	Trưởng BKS		120.910.000	0
2	Trương Minh Đức	Thành viên	QE xưởng ĐL	108.214.000	11.520.000
3	Đình Bế Đình	Thành viên	QE xưởng CE	115.901.000	11.520.000
Tổng cộng				345.025.000	23.040.000

Tổng chi phí tiền lương, phụ cấp Công ty đã chi trả cho các thành viên của HĐQT và BKS trong kỳ hoạt động từ tháng 07/2020 đến hết tháng 06/2021 là 1.011.566.000 đồng.

2- Chi phí khác:

Do các thành viên của HĐQT và BKS đều kiêm nhiệm các chức danh quản lý điều hành Công ty, vì vậy các chi phí khác phục vụ cho hoạt động của HĐQT và BKS cũng là chi phí quản lý điều hành chung của các chức danh quản lý Công ty.

3 - Kế hoạch chi trả thù lao, chi phí hoạt động cho HĐQT, BKS trong năm 2020-2021 (từ tháng 7/2021 đến hết tháng 6/2022).

3.1. Tiền lương, tiền thưởng cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS có kiêm nhiệm chức danh quản lý Công ty, Ban tổng giám đốc Công ty được chi trả theo Quy chế chi trả tiền lương, tiền thưởng vụ ép 2021 - 2022 của Công ty.

3.2. Tiền phụ cấp cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS được chi trả theo hệ số phụ cấp:

- Đối với thành viên HĐQT: Chủ tịch HĐQT hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 9,5/ tháng.
Phó chủ tịch HĐQT hệ số phụ cấp là 1,35/ tháng.
Thường trực HĐQT hệ số phụ cấp là 1,25/ tháng.
Thành viên khác HĐQT hệ số phụ cấp là 1,15/ người/ tháng.
- Đối với thành viên BKS: Trưởng BKS hưởng lương chuyên trách theo hệ số lương là 6,5/ tháng.
Thành viên BKS hệ số phụ cấp là 0,6/ người/ tháng.

Mức tiền lương tối thiểu làm căn cứ tính phụ cấp: Theo mức tiền lương tối thiểu Công ty áp dụng để tính lương cho vụ ép 2021 - 2022.

3.3. Các chi phí khác cho hoạt động của HĐQT và BKS khi thực hiện chức năng nhiệm vụ được chi trả theo thực tế.

4.4. Đại hội đồng cổ đông năm 2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng, xây dựng quy chế trả thưởng cho các thành viên ban điều hành quản lý công ty đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và chấp thuận thông qua./.

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)
Nông Văn Thuyết



Số: 351 /TTr - HĐQT

Cao Bằng, ngày 05 tháng 10 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính
niên độ tài chính 2021 - 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng;
- Căn cứ yêu cầu lựa chọn Công ty kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Để đảm bảo chủ động cho việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán theo công bố của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2021 – 2022 và soát xét các báo cáo tài chính quý, bán niên (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- Lưu Vt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Nông Văn Thuyết